

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QUY HOẠCH

**MẠNG LƯỚI CÁC TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM
GIAI ĐOẠN 2016-2025**

Hà Nội, năm 2015



PHẦN I: MỞ ĐẦU	4
<i>I. SỰ CẦN THIẾT VÀ Ý NGHĨA THỰC TIỄN CỦA QUY HOẠCH</i>	4
1. Vai trò của Trung tâm dịch vụ việc làm	4
2. Kết nối cung – cầu lao động	5
3. Kinh nghiệm quốc tế	7
<i>II. CÁC CĂN CỨ ĐỂ LẬP QUY HOẠCH</i>	8
1. Chủ trương của Đảng, Nhà nước	8
2. Căn cứ pháp lý	8
<i>III. PHẠM VI VÀ THỜI KỲ LẬP QUY HOẠCH</i>	9
1. Phạm vi, đối tượng	9
2. Thời kỳ lập quy hoạch.....	9
PHẦN II: ĐÁNH GIÁ MẠNG LƯỚI CÁC TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM HIỆN NÀY	10
<i>I. THỰC TRẠNG MẠNG LƯỚI CÁC TRUNG TÂM VIỆC LÀM</i>	10
1. Khái quát về mạng lưới các Trung tâm dịch vụ việc làm.....	10
2. Phân bố các Trung tâm dịch vụ việc làm.....	13
<i>II. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM</i>	14
1. Cơ sở vật chất.....	14
2. Tổ chức, nhân sự.....	15
3. Tài chính.....	17
4. Kết quả hoạt động	19
5. Đánh giá	26
PHẦN III: QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI CÁC TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM GIAI ĐOẠN 2016-2025	31
<i>I. BỐI CẢNH QUỐC TẾ, TRONG NƯỚC</i>	31
1. Trong nước	31
2. Quốc tế	33
<i>II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU</i>	33
1. Quan điểm	33
2. Mục tiêu	34
a) Hoạt động tư vấn.....	35
<i>III. NỘI DUNG QUY HOẠCH</i>	36
1. Điều kiện thành lập, nhiệm vụ của Trung tâm.....	36
2. Mô hình mạng lưới các Trung tâm dịch vụ việc làm.....	37
3. Quy mô của các Trung tâm	40
4. Nhu cầu cơ cấu tổ chức, nhân sự và đầu tư cho mỗi Trung tâm	46

<i>IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN</i>	50
1. Giai đoạn 2016-2020.....	50
2. Giai đoạn 2020-2025.....	50
<i>V. GIẢI PHÁP</i>	51
1. Nhóm giải pháp về quản lý	51
2. Nhóm giải pháp về đầu tư và huy động vốn	52
3. Nhóm giải pháp nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ dịch vụ việc làm	52
4. Nhóm giải pháp về gắn kết giữa các Trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp và cơ sở đào tạo.....	52
5. Nhóm giải pháp về hợp tác quốc tế.....	52
<i>VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN</i>	53
1. Các Bộ, ngành Trung ương.....	53
2. Cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm:.....	53
3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:.....	53

PHẦN I: MỞ ĐẦU

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ Ý NGHĨA THỰC TIỄN CỦA QUY HOẠCH

1. Vai trò của Trung tâm dịch vụ việc làm

- Trung tâm dịch vụ việc làm đóng vai trò cầu nối trung gian giữa người sử dụng lao động và người lao động, trực tiếp bố trí người tìm việc vào các công việc cần người; thiết lập hoặc tăng cường các chương trình thu thập, phân tích, lưu giữ và cung cấp thông tin và tư vấn về các cơ hội việc làm, nghề nghiệp, đào tạo, tự tạo việc làm. Đối với người lao động Trung tâm dịch vụ việc làm cung cấp cho người lao động những thông tin về yêu cầu của người sử dụng lao động, về lĩnh vực cần tuyển lao động, những đòi hỏi về trình độ chuyên môn- kỹ thuật, cũng như mức tiền lương có thể nhận được; đối với người sử dụng lao động tuyển được người lao động theo yêu cầu của mình đồng thời còn tham gia đào tạo để tạo việc làm. Điều đó có nghĩa là Trung tâm dịch vụ việc làm giúp cho việc nắm bắt và xử lý thông tin thị trường lao động nhanh chóng, kịp thời ở từng vùng, liên vùng và trong toàn quốc; dẫn dắt chấp nối thông tin cung - cầu về lao động nhanh hơn, dễ dàng hơn, góp phần làm cho thị trường lao động hoàn thiện, phát triển và vận hành tốt hơn.

- Hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm có hiệu quả sẽ góp phần tăng số lượng và chất lượng các giao dịch trên thị trường lao động, giúp cho sự tương hợp cung cầu lao động được thuận lợi hơn, làm giảm nhu cầu bức bách của xã hội về việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp, tác động làm cho xã hội lành mạnh hơn.

- Trung tâm dịch vụ việc làm giúp cho người sử dụng lao động nhanh chóng thoả mãn nhu cầu về lao động, thông qua đó tăng hiệu quả sản xuất- kinh doanh, góp phần làm tăng năng suất lao động xã hội, nâng cao mức sống dân cư, góp phần làm cho kinh tế thị trường năng động hơn, tạo điều kiện cho các chương trình phát triển kinh tế- xã hội của đất nước, thông qua đó làm tăng vị thế của đất nước trong khu vực và thế giới.

- Các Trung tâm dịch vụ việc làm cũng có vai trò quan trọng trong lĩnh vực đào tạo và tư vấn nghề trong khu vực hiện đại. Bên cạnh hệ thống các trường, cơ sở đào tạo nghề chính quy, với chức năng đào tạo những kỹ năng và tay nghề cho công nhân kỹ thuật thông qua những khoá đào tạo với thời gian dài và quy mô lớn thu hút đông học viên tham gia thì Trung tâm dịch vụ việc làm lại có chức năng đào tạo ngắn hạn, đáp ứng nhu cầu trước mắt của thị trường lao động, giúp người lao động thích ứng với công việc.

- Các Trung tâm dịch vụ việc làm do cơ quan quản lý nhà nước về việc làm thành lập thực hiện hoạt động sự nghiệp bảo hiểm thất nghiệp, góp phần tư vấn

giúp người lao động thất nghiệp sớm quay trở lại thị trường lao động, tư vấn người sử dụng lao động nhằm hạn chế việc sa thải lao động hàng loạt, thực hiện giải quyết trợ cấp thất nghiệp giúp người lao động giảm bớt gánh nặng trong thời gian thất nghiệp..

Như vậy, để đảm bảo thực hiện được đầy đủ và hiệu quả các chức năng của hệ thống Trung tâm dịch vụ việc làm thì việc rà soát, sắp xếp và quy hoạch mạng lưới Trung tâm là cần thiết. Thông qua việc quy hoạch hệ thống Trung tâm sẽ có tính liên thông, tính liên kết hơn, nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm,...

2. Kết nối cung – cầu lao động

2.1 Tình hình thất nghiệp và thiếu việc làm

Giai đoạn 2004 – 2014, tỷ lệ thất nghiệp Việt Nam vẫn luôn duy trì ở mức (từ 2% - 3%) ngay cả trong bối cảnh khủng hoảng và suy giảm kinh tế vừa qua. Năm 2014, cả nước có 994 nghìn người trong độ tuổi lao động bị thất nghiệp, giảm 33 nghìn người so với năm 2013. Tỷ lệ thất nghiệp chung toàn quốc là 2,1%¹, giảm nhẹ 0,1 điểm phần trăm so với năm 2013. Trong đó, tỷ lệ thất nghiệp thành thị cao hơn 2,3 lần so với của khu vực nông thôn (năm 2014: 3,4% so với 1,5%). Đối với một nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam với tỷ lệ lao động nông nghiệp và lao động phi chính thức chiếm trên 70%, tỷ lệ thất nghiệp thấp như vậy chưa đủ để đánh giá “sức khỏe” của TTLĐ và mối quan ngại chủ yếu vẫn là chất lượng việc làm thấp hay các dạng thất nghiệp “trá hình” như làm việc không đầy đủ thời gian, việc làm có thu nhập thấp.

Tỷ lệ thất nghiệp cao nhất ở nhóm có trình độ cao đẳng (6,83%) và cao đẳng nghề (6,4%), tiếp đến là nhóm có trình độ đại học trở lên (4,1%). Ngược lại, tỷ lệ thất nghiệp của nhóm không có CMKT lại rất thấp 1,57%, phản ánh một thực tế là lao động không có CMKT “không dám” thất nghiệp, họ chấp nhận làm mọi công việc để tạo thu nhập nuôi sống bản thân và gia đình. Tuy nhiên, do tỷ trọng lao động không có CMKT hoặc CMKT thấp chiếm đa số trong LLLĐ nên nhóm vẫn chiếm 63% tổng số người thất nghiệp cho thấy giải quyết việc làm cho bộ phận này là một thách thức đối với nền kinh tế.

Năm 2014, trong tổng số 994 nghìn người trong độ tuổi lao động bị thất nghiệp có gần 14 nghìn người trong tình trạng thất nghiệp dài hạn từ 12 tháng trở lên, 14,4%. Tỷ lệ thất nghiệp dài hạn đặc biệt cao ở nhóm có trình độ trung cấp nghề (22,6%) và nhóm có trình độ đại học/ trên đại học (21,8%), tiếp đến là nhóm có trình độ

¹ Tỷ lệ thất nghiệp trong báo cáo này được tính trong LLLĐ trong độ tuổi lao động (từ 15 tuổi – 55 tuổi (nữ)/ 60 tuổi (nam))

trung cấp chuyên nghiệp (19,3%) và sơ cấp nghề (18,7%), cao đẳng (17%) và cao đẳng nghề (16%). Trong khi đó, tỷ lệ này ở nhóm không có CMKT thấp hơn nhiều (10,7%). Kết quả này một lần nữa khẳng định những khó khăn của một bộ phận lao động qua đào tạo trong hội nhập TTLĐ, đặc biệt đối với những lao động có trình độ CMKT cao họ chấp nhận thất nghiệp dài hạn cho đến khi có thể tìm được một công việc phù hợp với trình độ và năng lực của bản thân.

Năm 2014, cả nước có 1,12 triệu người thiếu việc làm (*làm việc dưới 35 giờ/tuần, có mong muốn và sẵn sàng làm thêm giờ*), chiếm 2,25% tổng số lao động trong độ tuổi có việc làm, giảm 154 nghìn người so với năm 2013. Giai đoạn 2007-2014, bất chấp những khó khăn của nền kinh tế, số lao động thiếu việc làm có xu hướng giảm nhanh, từ 4,8 triệu người năm 2007 xuống còn 1,6 triệu người năm 2010 và 1,12 triệu người năm 2014. Theo đó tỷ lệ lao động thiếu việc làm cũng giảm nhanh từ 11,3% năm 2007 xuống còn 3,57% năm 2010 và 2,4% năm 2014.

Tỷ lệ thiếu việc làm ở khu vực nông thôn cao gấp 2,5 lần ở khu vực thành thị (2,96% so với 1,2%). Lao động nông thôn cũng chiếm đến 84,3% tổng số lao động thiếu việc làm, giảm gần 119 nghìn người so với năm 2013.

Như vậy, để giải quyết bài toán mất cân đối của thị trường lao động Việt Nam cần tiếp tục, hoàn thiện và thúc đẩy hơn nữa vai trò của hệ thống Trung tâm dịch vụ việc làm. Việc quy hoạch Trung tâm dịch vụ việc làm sẽ là bước đầu tiên để thực hiện. Có quy hoạch tốt, có mạng lưới Trung tâm tốt mới có thể đến được với mọi người dân, thị trường lao động mới không bị chia cắt, hạn chế hiện tượng nơi thừa, nơi thiếu lao động; người lao động có thông tin để tìm kiếm việc làm, lựa chọn các khóa học nghề phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động; người sử dụng lao động có kế hoạch sử dụng lao động hiệu quả, chi phí hợp lý,...

2.2 Hoạt động kết nối việc làm

Hiện nay, để thực hiện tìm kiếm việc làm người lao động thông qua các hình thức chủ yếu như sau: Trung tâm dịch vụ việc làm; Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm; qua quan hệ cá nhân (người thân, bạn bè, môi giới,...); Thông báo tuyển lao động trực tiếp tại doanh nghiệp; Phương tiện thông tin đại chúng. Mỗi hình thức tìm việc đều có đối tượng, ưu và đặc điểm riêng. Nếu như doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm có thu phí tư vấn, giới thiệu việc làm và phục vụ số lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức quốc tế; qua quan hệ cá nhân hay qua thông báo tuyển lao động trực tiếp tại doanh nghiệp thì thông tin việc làm chỉ đến được với số ít người lao động; qua phương tiện thông tin đại chúng thì đến được với số đông người lao động nhưng thông tin chưa được kiểm duyệt sẽ gây mất thời gian cho người lao động.

Mặt khác, qua các hình thức trên rất dễ dẫn đến tiêu cực như bị lừa mất tiền, đưa vào chỗ làm việc không lành mạnh, rủi ro về an toàn lao động,...xảy ra như thời gian qua.

Hiện nay, tỉ lệ người lao động tìm được việc làm thông qua quan hệ cá nhân mặc dù đã giảm trong thời gian qua nhưng vẫn chiếm tỉ trọng lớn 53,8%, tỉ lệ qua các Trung tâm dịch vụ việc làm mặc dù tăng nhưng vẫn còn chiếm tỉ trọng rất nhỏ. Điều đó cho thấy thị trường lao động chưa được minh bạch, rủi ro cho người lao động, người sử dụng lao động còn nhiều. Do vậy, việc quy hoạch mạng lưới các Trung tâm dịch vụ việc làm cần thiết. Việc quy hoạch sẽ tính toán để cho mọi người lao động có thể dễ dàng tiếp cận được với Trung tâm dịch vụ việc làm, được tư vấn hỗ trợ tham gia thị trường lao động. Người lao động, người sử dụng lao động sẽ có địa chỉ tin cậy để đặt niềm tin khi tìm việc làm – tìm người làm việc.

3. Kinh nghiệm quốc tế

Hiện nay, hoạt động dịch vụ việc làm công được diễn ra ở hầu hết các nước trên thế giới. Tùy theo điều kiện chính trị, kinh tế mà mỗi nước có mô hình tổ chức riêng, song xu hướng chung đều tổ chức theo 2 mô hình chính với mức độ phân cấp khác nhau: tổ chức theo đơn vị hành chính (chiều ngang) và theo mô hình ngành dọc, trong đó mô hình theo chiều dọc chiếm hơn 80%. Các nước Châu Âu 100% tổ chức theo ngành dọc. Các nước Châu Á về cơ bản cũng tổ chức theo ngành dọc, đặc biệt là Hàn Quốc² và Nhật Bản tổ chức ngành dọc theo 3 cấp (Trung ương, vùng và địa phương). Riêng Trung Quốc, do có diện tích rộng và đông dân cư nên hệ thống dịch vụ việc làm công được tổ chức theo địa bàn hành chính. Đối với các nước ASEAN, trong đó phải kể đến Thái Lan, Philippine, Malaysia và Indonesia cũng tổ chức theo ngành dọc.

Qua nghiên cứu kinh nghiệm của các nước và thực tế tổ chức hoạt động cho thấy hệ thống các Trung tâm DVVL được tổ chức theo ngành dọc mới có sự chỉ đạo thống nhất của Bộ và các cơ quan của Bộ, từ đó mới có thể tổ chức tốt hơn hệ thống thông tin thị trường lao động, cơ sở dữ liệu người tìm việc, việc tìm người được cập nhật thường xuyên; thông tin thị trường lao động về nguồn cung, cầu được chia sẻ đầy đủ, kịp thời tránh cho việc thị trường lao động bị chia cắt. Theo

² Hiện nay, hệ thống DVVL công của Hàn Quốc có 06 Trung tâm khu vực và 84 Trung tâm DVVL tại địa phương. Ngoài thực hiện nhiệm vụ hoạt động DVVL như 84 Trung tâm DVVL địa phương, 6 Trung tâm khu vực này còn đảm nhiệm thêm nhiệm vụ bao quát cả khu vực, như: quản lý nhân sự của tất cả các Trung tâm, lập kế hoạch hoạt động cho cả khu vực, quản lý tài chính tất cả các Trung tâm trong khu vực, theo dõi đánh giá kết quả hoạt động của các Trung tâm trong khu vực.

đó, lao động dịch chuyển trong nước và đi làm việc ở nước ngoài cũng được quản lý tốt hơn. Theo đó hiệu quả hoạt động của dịch vụ việc làm sẽ phản ánh thực chất và hiệu quả hơn.

Tóm lại, để đảm bảo thực hiện được đầy đủ và hiệu quả các chức năng của hệ thống Trung tâm dịch vụ việc làm thì việc rà soát, sắp xếp và quy hoạch mạng lưới Trung tâm là cần thiết. Thông qua việc quy hoạch hệ thống Trung tâm sẽ có tính liên thông, tính liên kết hơn, nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm; việc lập quy hoạch cũng đồng nghĩa với việc sẽ tính toán để cho mọi người lao động có thể dễ dàng tiếp cận được với Trung tâm dịch vụ việc làm, được tư vấn hỗ trợ tham gia thị trường lao động và các Trung tâm dịch vụ việc làm thực sự trở thành địa chỉ tin cậy cho người lao động và người sử dụng lao động. Đồng thời, việc xây dựng quy hoạch mạng lưới của các Trung tâm gắn với sự phát triển của thị trường lao động, phù hợp với xu thế hội nhập ASEAN, khu vực và thế giới là việc làm hết sức cần thiết của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

II. CÁC CĂN CỨ ĐỂ LẬP QUY HOẠCH

1. Chủ trương của Đảng, Nhà nước

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020 nhấn mạnh: “phát triển thị trường lao động, khuyến khích các hình thức giao dịch việc làm”, “bảo đảm quan hệ lao động hài hòa, cải thiện môi trường và điều kiện làm việc”.

- Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI: “Đổi mới tổ chức và hoạt động của các trung tâm dịch vụ việc làm của Nhà nước; khuyến khích tổ chức các hội chợ việc làm; phát triển các tổ chức dịch vụ tư vấn, sàn giao dịch, giới thiệu việc làm đi đôi với tăng cường quản lý của Nhà nước; ngăn chặn các hành vi lừa đảo và các hiện tượng tiêu cực khác”.

- Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/06/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020;

2. Căn cứ pháp lý

- Bộ luật Lao động năm 2012.

- Luật Việc làm năm 2013.

- Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 09 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 09 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội;

- Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nghị định số 196/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định thành lập và hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm.

- Nghị quyết số 01/2004/NQ-CP ngày 12/01/2004 của Chính phủ và Quyết định số 51/2004/QĐ-TTg ngày 31/3/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng các Trung tâm DVVL khu vực tại các vùng kinh tế trọng điểm quốc gia.

III. PHẠM VI VÀ THỜI KỲ LẬP QUY HOẠCH

1. Phạm vi, đối tượng

Theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Bộ luật Lao động thì Tổ chức dịch vụ việc làm bao gồm trung tâm dịch vụ việc làm và doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm. Trung tâm dịch vụ việc làm là đơn vị sự nghiệp công lập (khoản 1 Điều 37 Luật việc làm). Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và có giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm do cơ quan quản lý nhà nước về việc làm cấp tỉnh cấp (dịch vụ việc làm tư). Như vậy, hoạt động dịch vụ việc làm bao gồm cả hoạt động công và tư. Việc thành lập và hoạt động doanh nghiệp dịch vụ việc làm hoàn toàn do cơ chế của thị trường. Do vậy, trong phạm vi dự án quy hoạch này chỉ quy hoạch mạng lưới các Trung tâm dịch vụ việc làm.

Đồng thời, theo quy định thì chỉ quy hoạch các Trung tâm dịch vụ việc làm được các cấp có thẩm quyền sau đây ra quyết định thành lập, cụ thể:

a) Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập.

b) Trung tâm dịch vụ việc làm do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quyết định thành lập.

c) Trung tâm dịch vụ việc làm do người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương quyết định thành lập

2. Thời kỳ lập quy hoạch

Lập quy hoạch theo 2 giai đoạn

- Giai đoạn 1: Từ năm 2016-2020

- Giai đoạn 2: Từ năm 2020 – 2025

PHẦN II: ĐÁNH GIÁ MẠNG LƯỚI CÁC TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM HIỆN NAY

I. THỰC TRẠNG MẠNG LƯỚI CÁC TRUNG TÂM VIỆC LÀM

1. Khái quát về mạng lưới các Trung tâm dịch vụ việc làm

1.1. Quá trình hình thành

Ngày 11/4/1992, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính Phủ) ra Nghị quyết 120/HĐBT về Chủ trương, phương hướng và biện pháp giải quyết việc làm trong các năm tới, đã xác định: "Tập trung thực hiện các chương trình Quốc gia về việc làm bao gồm Chương trình đào tạo, đào tạo lại và dạy nghề gắn với dịch vụ việc làm (giới thiệu, tư vấn, cung ứng lao động...) thông qua các dự án phát triển các Trung tâm Dạy nghề và Dịch vụ việc làm, Trung tâm áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ ở một số địa phương và thành phố lớn, ở các tổ chức xã hội". Nghị quyết trên đưa ra định hướng hoạt động cho các Trung tâm Dạy nghề và Giới thiệu việc làm, giúp các Trung tâm tiếp tục ra đời, hoạt động vì nhu cầu của thị trường lao động. Theo đó, từ 11 Trung tâm ra đời ban đầu năm 1990 đến cuối năm 1994 đã nhanh chóng phát triển thành một hệ thống 143 Trung tâm DVVL.

Ngày 31/10/1995, Chính phủ ban hành Nghị định 72/CP hướng dẫn và quy định cụ thể một số điều về tổ chức và hoạt động dịch vụ việc làm. Với quy định về tên gọi mới, chức năng nhiệm vụ hợp lý, tính đến tháng 7/2002 một hệ thống 178 Trung tâm hình thành, trong đó 167 Trung tâm DVVL thuộc ngành LĐTBXH và các Bộ ngành, tổ chức đoàn thể khác và 11 Trung tâm Xúc tiến việc làm chủ yếu là của Bộ Công an (có 9 Trung tâm thuộc các trại giam không chuyển đổi do đặc điểm riêng của Bộ),... tồn tại và hoạt động - đỉnh cao về số lượng Trung tâm DVVL.

Ngày 28/02/2005, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Nghị định số 19/2005/NĐ-CP quy định về điều kiện, thủ tục thành lập và hoạt động của tổ chức giới thiệu việc làm, đánh dấu một bước ngoặt mới trong quản lý Nhà nước về hoạt động DVVL. Đồng thời, để quy định cụ thể hơn về điều kiện, thủ tục thành lập và hoạt động của tổ chức DVVL, đặc biệt là tạo điều kiện pháp lý cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia hoạt động trong lĩnh vực DVVL, ngày 5/6/2008 Chính phủ đã ký ban hành Nghị định số 71/2008/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2005/NĐ-CP. Sau gần 7 năm thi hành Nghị định số 19/2005/NĐ-CP, hiện nay cả nước có 130 Trung tâm DVVL đang hoạt động (trong đó 64 Trung tâm thuộc Sở LĐTBXH, 3 Trung tâm thuộc Ban quản lý KCN-KCX, 57 Trung tâm thuộc hội đoàn thể quần chúng và 6 Trung tâm thuộc Bộ quốc

phòng). Số lượng Trung tâm DVVL giai đoạn hiện nay giảm so với giai đoạn trước vì những lý do:

- Thực hiện Nghị định số 19/2005/NĐ-CP thì những Trung tâm DVVL thuộc các quận, huyện được quy hoạch lại, bàn giao cho Sở LĐTBXH quản lý;

- Những Trung tâm DVVL thuộc Bộ Công An, Bộ Quốc Phòng và một số Trung tâm của các tổ chức đoàn thể, hội quần chúng hoạt động tập trung vào đào tạo nghề cho bộ đội hoàn thành nghĩa vụ quân sự, thanh niên v.v... nên nhiều Trung tâm đã chuyển sang trường nghề và hoạt động theo quy định của Luật Dạy nghề;

- Sự tham gia của các Trung tâm còn lại thuộc các tổ chức đoàn thể, hội quần chúng như Thanh niên, Công đoàn, Hội phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu Chiến binh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, liên minh HTX,... đã góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp đưa đến kết quả cao hơn về DVVL, bên cạnh đó còn có ý nghĩa về chính trị, xã hội. Tuy nhiên, với nhiều vai trò, nhiệm vụ được giao nhưng rất hạn chế về biên chế và kinh phí hoạt động thường xuyên nên nhiều Trung tâm thuộc các tổ chức đoàn thể chưa thực sự quan tâm đến hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, mà tập trung nhiều hơn tới hoạt động dạy nghề. Các Trung tâm DVVL thuộc ngành LĐTBXH ngày càng phát huy vai trò là trụ cột trong hoạt động dịch vụ việc làm Việt Nam để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu kết nối cung – cầu trong thị trường lao động năng động hiện nay.

Ngày 28/02/2005, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Nghị định số 19/2005/NĐ-CP quy định về điều kiện, thủ tục thành lập và hoạt động của tổ chức giới thiệu việc làm, đánh dấu một bước ngoặt mới trong quản lý Nhà nước về hoạt động dịch vụ việc làm. Theo đó, có 148 Trung tâm giới thiệu việc làm đang hoạt động. Trong số này đã có khoảng 30% được thành lập lại theo quy định của Nghị định.

Năm 2012, Bộ luật lao động được thông qua, năm 2013 Luật việc làm được thông qua đã làm tiền đề cho Chính phủ ký ban hành Nghị định số 196/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định thành lập và hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm. Hiện nay còn có 130 Trung tâm dịch vụ việc làm

1.2. Mô hình tổ chức hiện nay

Hiện nay, có 3 cấp được phép thành lập Trung tâm dịch vụ việc làm theo quy định tại Nghị định số 196/2013/NĐ-CP.

Trong 130 Trung tâm hiện có, bao gồm:

- 64 Trung tâm dịch vụ việc làm do UBND tỉnh thành lập và giao cho ngành lao động thương binh và xã hội quản lý thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của Trung

tâm. Trong đó, có 63 Trung tâm dịch vụ việc làm được giao nhiệm vụ thực hiện hoạt động sự nghiệp bảo hiểm thất nghiệp.

- 03 Trung tâm dịch vụ việc làm do UBND tỉnh thành lập và giao cho Ban quản lý khu công nghiệp – khu chế xuất quản lý thực hiện các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, cung ứng và tuyển lao động và các hoạt động hỗ trợ cho lao động, người sử dụng lao động đang hoạt động trong phạm vi khu công nghiệp – khu chế xuất.

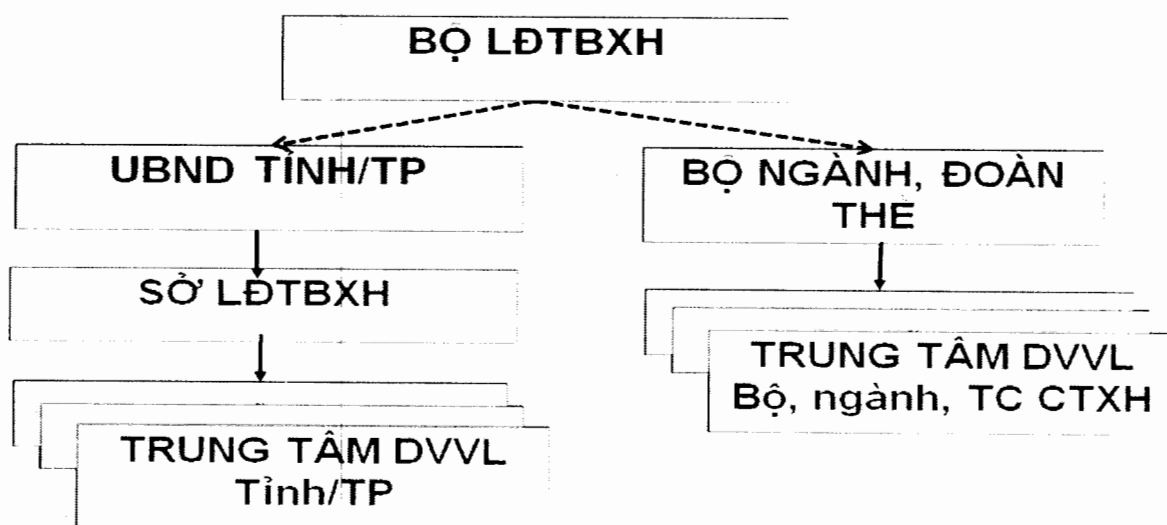
- 6 Trung tâm dịch vụ việc làm do Bộ Quốc phòng thành lập và giao cho các Bộ chỉ huy quân sự các tỉnh phụ trách để thực hiện các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, cung ứng và tuyển lao động và các hoạt động hỗ trợ cho các bộ đội phục viên, người vừa hoàn thành nghĩa vụ quân sự.

- 57 Trung tâm dịch vụ việc làm do Thủ trưởng các cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị thành lập để thực hiện các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, cung ứng và tuyển lao động và các hoạt động hỗ trợ cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý như: thanh niên, phụ nữ, người nông dân, ...

-Về mô hình tổ chức, nhân sự: Do cơ quan thành lập bố trí, chịu trách nhiệm hoạt động.

-Về hoạt động chuyên môn: Bộ LĐTBXH hướng dẫn nghiệp vụ.

* Mô hình hoạt động hiện nay



2. Phân bố các Trung tâm dịch vụ việc làm

2.1. Theo thẩm quyền thành lập

a) Mạng lưới các Trung tâm dịch vụ việc làm do Bộ, ngành thành lập

- Do Bộ thành lập có 6 Trung tâm do Bộ Quốc phòng thành lập bao gồm:

+ Trung tâm dạy nghề và DVVL Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hưng Yên,

+ Trung tâm dạy nghề và DVVL Bộ tư lệnh Tăng thiết giáp,

+ Trung tâm dạy nghề và DVVL Bộ tư lệnh Hải quân,

+ Trung tâm dạy nghề và DVVL Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hòa Bình,

+ Trung tâm dạy nghề và DVVL Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Ninh Bình,

+ Trung tâm dạy nghề và DVVL Vinhempic, TP Hồ Chí Minh

b) Mạng lưới các Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thành lập

- 64 Trung tâm dịch vụ việc làm do 63 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thành lập (Riêng Thành phố Hà Nội có 02 Trung tâm) và giao cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh quản lý

- 03 Trung tâm dịch vụ việc làm khu công nghiệp, khu chế xuất (TP Hồ Chí Minh, Hải Dương, Hải Phòng) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thành lập và giao cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất quản lý.

c) Mạng lưới các Trung tâm dịch vụ việc làm do Thủ trưởng cơ quan Trung ương của các Hội, đoàn thể thành lập

- Bí thư Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh thành lập 22 Trung tâm

- Chủ tịch Tổng liên đoàn lao động Việt Nam ra quyết định thành lập 8 Trung tâm

- Chủ tịch Liên minh hợp tác xã Việt Nam ra quyết định thành lập 1 Trung tâm.

- Chủ tịch Liên hiệp hội phụ nữ Việt Nam ra quyết định thành lập 13 Trung tâm.

- Chủ tịch Hội nông dân ra quyết định thành lập 13 Trung tâm.

2.2. Theo vùng kinh tế

a) Vùng Trung du miền núi phía Bắc: Có 24 Trung tâm dịch vụ việc làm, gồm: 24 Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Thành lập; Trung tâm dịch vụ việc làm do Thủ trưởng cơ quan tổ chức chính trị - xã hội thành lập.

b) Vùng Đồng bằng sông Hồng: Có 36 Trung tâm dịch vụ việc làm, gồm 5 Trung tâm dịch vụ việc làm do Bộ trưởng, Thủ trưởng, cơ quan ngang Bộ thành lập; 14 Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Thành lập; 17 Trung tâm dịch vụ việc làm do Thủ trưởng cơ quan tổ chức chính trị - xã hội thành lập.

c) Vùng Bắc trung bộ và Duyên hải miền Trung: Có 30 Trung tâm dịch vụ việc làm, gồm: 14 Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Thành lập; 16 Trung tâm dịch vụ việc làm do Thủ trưởng cơ quan tổ chức chính trị - xã hội thành lập.

d) Vùng Tây Nguyên: Có 5 Trung tâm dịch vụ việc làm, gồm 5 Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Thành lập;

đ) Vùng Đông Nam Bộ: Có 14 Trung tâm dịch vụ việc làm, gồm: 1 Trung tâm dịch vụ việc làm do Bộ trưởng, Thủ trưởng, cơ quan ngang Bộ thành lập; 7 Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Thành lập; 6 Trung tâm dịch vụ việc làm do Thủ trưởng cơ quan tổ chức chính trị - xã hội thành lập.

e) Vùng Đồng bằng sông Cửu Long: có 21 Trung tâm dịch vụ việc làm, gồm: 13 Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Thành lập; 8 Trung tâm dịch vụ việc làm do Thủ trưởng cơ quan tổ chức chính trị - xã hội thành lập.

II. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM

1. Cơ sở vật chất

Các Trung tâm dịch vụ việc làm trong những năm qua đã được các địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi về vị trí, địa điểm cho các Trung tâm hoạt động. Có tới 61,65% Trung tâm được đặt ở trung tâm tỉnh, thành phố, trong đó có tới 47,94% được bố trí ở vị trí mặt đường; 38,35% Trung tâm nằm ngoài trung tâm tỉnh, thành phố trong đó 81,25% số các Trung

tâm này nằm ở vị trí mặt đường. Các Trung tâm dịch vụ việc làm thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Trung ương Đoàn thanh niên; Khu chế xuất và khu công nghiệp phần lớn nằm ở vị trí mặt đường và trung tâm tỉnh, thành phố. Các Trung tâm dịch vụ việc làm thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, phần lớn nằm ngoài trung tâm tỉnh, thành phố, trong đó có một số Trung tâm dịch vụ việc làm ở các vùng sâu.

Diện tích đất sử dụng: Các Trung tâm dịch vụ việc làm hiện đang được giao sử dụng diện tích đất khá lớn, trung bình một Trung tâm dịch vụ việc làm có 19.142 m² đất sử dụng, diện tích đất xây dựng bình quân của một Trung tâm giới thiệu việc làm là khoảng 2.300 m². Trụ sở, nhà xưởng của các Trung tâm cũng được đầu tư đáng kể từ nguồn của địa phương, nguồn của các tổ chức chính trị- xã hội và một phần từ nguồn ngân sách Nhà nước, nhiều Trung tâm có trụ sở làm việc khang trang, diện tích lớn.

Các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của Trung tâm ngày càng được chú trọng, trung bình tổng giá trị trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động dịch vụ việc làm (không tính trang thiết bị cho hoạt động dạy nghề) chủ yếu là máy vi tính, máy photocopy, máy in, bàn ghế làm việc, điện thoại, máy fax.... Nhiều Trung tâm đã ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng phần mềm và nối mạng nội bộ để quản lý tốt các hoạt động giới thiệu việc làm. Mặc dù vậy vẫn có nhiều Trung tâm còn gặp khó khăn về đầu tư trang thiết bị.

2. Tổ chức, nhân sự

2.1 Tổ chức

Về cơ bản các Trung tâm DVVL thuộc Sở LĐTBXH các tỉnh/thành phố đã kiện toàn tổ chức, thành lập lại và thống nhất mang tên Trung tâm DVVL, đồng thời tổ chức thành các phòng ban để thực hiện nhiệm vụ được giao như: Phòng Tư vấn, Giới thiệu việc làm; Phòng Thông tin thị trường lao động; Phòng Bảo hiểm thất nghiệp (thành lập năm 2010); Phòng Dạy nghề; Phòng Hành chính. Tuy đã được kiện toàn về mặt tổ chức, biên chế và nhân sự, nhưng giữa các Trung tâm chưa có sự thống nhất, như:

-Về cơ cấu tổ chức, có Trung tâm tổ chức các phòng tư vấn, phòng giới thiệu việc làm, phòng thông tin thị trường lao động; ngược lại, có Trung tâm lại tổ chức phòng tư vấn và thông tin thị trường lao động hoặc phòng tư vấn, giới thiệu việc làm và thông tin thị trường lao động dẫn đến sự thiếu thống nhất, chòng chẹo, không những gây khó khăn cho chỉ đạo chuyên môn, nghiệp vụ từ Trung ương, mà còn khó khăn trong việc phối kết hợp hoạt động giữa các Trung tâm.

- Tổ chức thông tin, hầu hết các Trung tâm đã phát triển website nhưng theo kiểu mạnh ai nấy làm nên không có sự đồng bộ, nhiều website không thể kết nối với cổng thông tin điện tử chung toàn quốc gây khó khăn trong việc xây dựng mạng lưới và sự kết nối trên toàn quốc.

- Về đồng phục, do điều kiện kinh tế và sự quan tâm khác nhau nên mỗi Trung tâm trang bị riêng cho mình một kiểu đồng phục tạo sự thiếu thống nhất trên toàn quốc.

- Về tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, một số địa phương mạnh dạn giao nhiệm vụ cho Trung tâm (xây dựng cơ sở dữ liệu cung, cầu lao động và dự báo thị trường lao động) và các Trung tâm này thực hiện rất tốt các nhiệm vụ trên, tuy nhiên nhiều địa phương gần như không quan tâm, hoặc để Trung tâm ở ngoài cuộc nên gây nhiều khó khăn cho việc hoàn thành nhiệm vụ chung v.v...

2.2. Nhân sự

Năm 2006, số lao động bình quân của 1 Trung tâm DVVL thuộc Sở LĐTBXH là 23,2 người và tính đến 11/2009 là 25,1 người. Năm 2011, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tăng cường thêm định xuất lao động cho các Trung tâm nhằm bảo đảm cho hoạt động sự nghiệp về Bảo hiểm thất nghiệp (mức tăng trung bình 20 định xuất/Trung tâm, tương đương với số lao động/Trung tâm năm 2006), nâng bình quân số lao động ở mỗi Trung tâm lên 45,1 người (tương đương với tổng số 2.886 người). Trong tổng số quỹ lương trả cho cán bộ nhân viên của các Trung tâm, địa phương chỉ đảm bảo quỹ lương cho số trong biên chế (895 người, chiếm 31%), số còn lại do Trung ương cấp kinh phí bảo hiểm thất nghiệp (1.280 định xuất, chiếm 44,35%) và do Trung tâm tự trang trải (711 người, chiếm 24,63%).

Tuy nhiên, số lượng biên chế của Trung tâm không thống nhất, không có những tiêu chuẩn chung, những Trung tâm quan hệ tốt, tranh thủ được sự ủng hộ của chính quyền địa phương và các Sở ban ngành liên quan thì số lượng biên chế tăng và điều kiện hoạt động tốt dẫn đến ký được nhiều hợp đồng lao động. Ngược lại, một số Trung tâm số lượng biên chế và hợp đồng lao động còn hạn chế, như: Trung tâm Đồng Nai (6 người); Trung tâm Bắc Cạn (8 lao động), Kon Tum (11 lao động) và Trung tâm Phú Yên (14 lao động) ... Bên cạnh đó, những Trung tâm có điều kiện thì thường xuyên tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ năng lực cho cán bộ, nhân viên hoặc tổ chức tham quan học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm dẫn đến chất lượng nhân sự giữa các Trung tâm có sự chênh lệch lớn.

Hằng năm, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đều tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên

thuộc hệ thống Trung tâm DVVL. Công tác đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ cho cán bộ, nhân viên ngày càng được tổ chức chu đáo và bài bản. Số lượng cán bộ tham gia đào tạo, tập huấn ngày một tăng. Mỗi năm, hàng trăm lượt cán bộ của các Trung tâm DVVL đã được đào tạo, tập huấn theo từng lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ khác nhau, như: kỹ năng tư vấn, giới thiệu việc làm; kỹ năng khai thác, sử dụng phần mềm Hệ điều hành tác nghiệp; các hoạt động sự nghiệp về bảo hiểm thất nghiệp; giảng viên nguồn về thu thập xây dựng cơ sở dữ liệu thị trường lao động; các hoạt động nghiệp vụ liên quan khác ...). Tuy nhiên, thực tế sử dụng cán bộ tại các Trung tâm hoàn toàn do Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố quyết định, do vậy một bộ phận không nhỏ nhân viên đã qua đào tạo kỹ năng bị điều chuyển sử dụng vào việc khác gây ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động chuyên môn của các Trung tâm DVVL.

3. Tài chính

Tính từ năm 2006 đến hết năm 2015, nguồn vốn ngân sách Trung ương đã dành 2026 tỷ đầu tư cho các Trung tâm. Trong đó, 1562 tỷ đầu tư nâng cao năng lực Trung tâm DVVL, 32 tỷ đồng hỗ trợ giao dịch việc làm, 7 tỷ đồng tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý và kỹ năng, 209.7 tỷ đồng đầu tư cho 6 Trung tâm hướng nghiệp, dạy nghề và giới thiệu việc làm của thanh niên và 977 tỷ đồng kinh phí bảo hiểm thất nghiệp cấp cho các Trung tâm từ năm 2009 đến hết năm 2015. Trong khi đó, nguồn vốn tài chính của địa phương, bao gồm vốn đầu tư và chi thường xuyên giai đoạn 2006-2012 đạt khoảng 400 tỷ, tương đương 20% tổng ngân sách dành cho các Trung tâm (Phụ lục 2). Ngoài ra, 15 Trung tâm còn được hưởng thụ từ Dự án thị trường lao động EU/MOLISA/ILO (2008-2011), mỗi Trung tâm 5 tỷ đồng.

Như vậy, cũng tương tự như quỹ lương và kinh phí hoạt động thường xuyên, ngân sách đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị công nghệ thông tin chủ yếu từ ngân sách Trung ương (chiếm 80%).

Hoạt động đầu tư nâng cao năng lực Trung tâm DVVL thuộc ngành LĐTBXH, về cơ bản đảm bảo theo đúng mục đích, nội dung hướng dẫn và thực hiện hoạt động đầu tư theo đúng trình tự quy định. Thông qua hoạt động đầu tư nâng cao năng lực của Dự án Hỗ trợ phát triển thị trường lao động thuộc CTMTQG về việc làm cơ sở vật chất và năng lực hoạt động của các Trung tâm DVVL được cải thiện và nâng lên rõ rệt, hướng các Trung tâm hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích, đồng thời tạo thành một hệ thống có sự gắn kết. Hệ thống Trung tâm DVVL thuộc ngành LĐTBXH ngày càng được khẳng định là cơ sở phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động Việt Nam, đồng thời là công cụ hữu hiệu góp

phần quan trọng trong kết nối cung – cầu lao động. Tuy nhiên, Hoạt động đầu tư nâng cao năng lực Trung tâm DVVL thuộc ngành LĐT BXH, còn một số hạn chế: thủ tục đầu tư tại một số địa phương phức tạp gây ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân, nguồn vốn của Chương trình không được bố trí, đặc biệt là trên 2 địa bàn Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Một số dự án tiến độ triển khai chậm, đặc biệt trong việc hoặc không giải ngân được nguồn vốn, không đảm bảo tiến độ thực hiện phải điều chuyển vốn sang năm sau, như: thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Đồng Nai và Bình Dương. Một số địa phương giao cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội làm chủ đầu tư nhưng thiếu sự quan tâm chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với Trung tâm DVVL nên mặc dù đầu tư nâng cao năng lực cho Trung tâm DVVL nhưng giám đốc Trung tâm không nắm được kế hoạch và tiến độ triển khai cụ thể. Cá biệt có một số địa phương, Sở LĐT BXH tham mưu cho UBND tỉnh đã thay đổi quyết định đầu tư, thay vì đầu tư nâng cao năng lực Trung tâm DVVL lại chuyển kinh phí Trung ương cấp cho việc đầu tư nâng cao năng lực Trung tâm DVVL sang đầu tư cho dạy nghề và cho các hoạt động khác.... . Giám đốc Trung tâm chỉ biết khi quyết định đã được ban hành. Do vậy, cho đến nay hệ thống Trung tâm DVVL thuộc ngành LĐT BXH vẫn còn một số Trung tâm chưa được địa phương bố trí mặt bằng hoạt động mà Trung tâm vẫn phải đang đi thuê địa điểm.

Bên cạnh đó, nhiều địa phương chưa bố trí hoặc bố trí không đủ vốn đối ứng, cơ sở hạ tầng, kinh phí hoạt động cho Trung tâm DVVL. Một số Trung tâm sử dụng chưa hiệu quả, chưa đúng mục đích vốn đầu tư, còn sử dụng vốn đầu tư vào việc mua sắm trang thiết bị dạy nghề, xây dựng cơ bản v.v... gây ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động đầu tư nâng cao năng lực Trung tâm DVVL. Ngoài ra, các Trung tâm DVVL thuộc các thành phố lớn, nơi có thị trường lao động phát triển như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh cũng chưa nhận được sự quan tâm thích đáng từ phía các cơ quan thực thi chính sách và chính quyền địa phương nên trang thiết bị được Trung ương và Dự án Thị trường lao động đầu tư tương đối đồng bộ nhưng cơ sở vật chất khác, như: trụ sở, văn phòng làm việc, sàn giao dịch còn chật hẹp, thậm chí còn chưa ổn định. Ngoài ra, có địa phương tuy đã được đầu tư nâng cao năng lực nhưng năng lực thực sự của cán bộ, nhân viên còn nhiều hạn chế dẫn đến việc tổ chức hoạt động, khai thác sử dụng trang thiết bị được đầu tư thiếu hiệu quả. Do vậy, tính đồng bộ và tính kết nối giữa các Trung tâm và giữa các Trung tâm với công thông tin điện tử Cục Việc làm còn hạn chế. Tiến độ tin học hóa hay ứng dụng các phần mềm vào trong các hoạt động chuyên môn còn chậm hoặc không thể triển khai được ở một số địa phương vì không nhận được sự quan tâm của các cấp chính quyền và của bản thân Trung tâm.

4. Kết quả hoạt động

4.1. Hoạt động tư vấn

Trung tâm dịch vụ việc làm có chức năng chính là cầu nối trung gian giữa người lao động và người sử dụng lao động, thực hiện sắp xếp việc làm có hiệu quả cho người lao động và người sử dụng lao động thông qua các Chương trình chấp nối. Trung tâm dịch vụ việc làm cung cấp các dịch vụ tư vấn cho người lao động về: học nghề, lựa chọn nghề, trình độ đào tạo, nơi học, lựa chọn công việc phù hợp với khả năng và nguyện vọng; về kỹ năng thi tuyển; về tự tạo việc làm, tìm việc làm trong và ngoài nước; Tư vấn cho người sử dụng lao động về tuyển lao động; về quản trị và phát triển nguồn nhân lực; về sử dụng lao động và phát triển việc làm; Tư vấn về các chính sách, pháp luật lao động cho người lao động, người sử dụng lao động.

Giai đoạn 2006-2014, với sự đầu tư mạnh mẽ, có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào hệ thống Trung tâm dịch vụ việc làm thuộc sở Lao động - Thương binh và Xã hội làm trụ cột hoạt động Giao dịch việc làm, công tác tư vấn đã đạt được một số kết quả như sau:

- Về loại tư vấn: Trong số 10.990.000 người được tư vấn thì có 56,63 % người lao động được tư vấn về việc làm, 23,52% người lao động tư vấn về học nghề, 13,71% người được tư vấn về chính sách chế độ lao động ,...: Trong số đó, lao động nữ chiếm tỉ lệ 45,35%, điều này thể hiện được sự vươn lên của lao động nữ trên thị trường lao động, chủ động tham gia tìm kiếm việc làm

- Về hình thức tư vấn: Hiện nay, đa số các Trung tâm vẫn tổ chức tư vấn tại chỗ, người lao động thường đến trực tiếp các Trung tâm để nhận tư vấn. Một số Trung tâm dịch vụ việc làm thuộc các vùng kinh tế trọng điểm, có thị trường lao động linh hoạt như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Bình Dương,...thực hiện đa dạng các hình thức tư vấn như: tư vấn qua trang web, tư vấn qua điện thoại, tổng đài 1900..., tin nhắn điện thoại SMS,... đã thu hút đông đảo người lao động tìm đến Trung tâm.

4.2. Hoạt động giới thiệu việc làm, cung ứng lao động

Giới thiệu việc làm là quá trình trong đó các tổ chức thực hiện các hoạt động cần thiết để tìm được chỗ làm việc trống, giới thiệu, chấp nối cho người lao động. Các Trung tâm giới thiệu việc làm đã thu thập thông tin về chỗ việc làm trống từ người sử dụng lao động và thông tin về người lao động cần tìm việc trong lực lượng lao động, cung cấp thông tin cần thiết về chỗ việc làm trống cho người lao động cần tìm việc, thông tin về lao động cần tìm việc làm cho người sử dụng lao

động có nhu cầu tuyển dụng lao động để họ có thể tiếp xúc với nhau hoặc tạo các điều kiện trung gian cho 2 bên tiếp xúc với nhau, hoặc tuyển dụng và cung ứng lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động hoặc trao đổi thoả thuận về tuyển dụng.

Theo báo cáo từ các sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Trung tâm dịch vụ việc làm các tỉnh, thành phố, tỉ lệ người lao động tìm kiếm việc làm thông qua hệ thống Trung tâm chiếm khoảng 14%, người sử dụng lao động tìm, tuyển lao động qua Trung tâm chiếm 16,4%. Các tỉ lệ này đều tăng qua các năm, cho thấy hiệu quả hoạt động dịch vụ việc làm ngày càng phát huy vai trò của mình trong việc kết nối cung cầu lao động.

Theo báo cáo hàng năm của các Trung tâm dịch vụ việc làm, bình quân mỗi năm các Trung tâm giới thiệu việc làm cho khoảng 400 ngàn lao động. Tốc độ người lao động đến Trung tâm đăng ký tìm việc làm tăng từ 5-7%/ năm, số người được giới thiệu việc làm chiếm tỉ lệ trên 70% tổng số người đăng ký tìm việc, trong số người được Trung tâm giới thiệu có tới 75,07% người lao động đạt yêu cầu thông qua phỏng vấn, tuyển dụng của doanh nghiệp và được nhận vào làm việc. Số lao động nữ được giới thiệu việc làm thông qua Trung tâm chiếm tỉ lệ tương đương với nam giới. Trong số lao động được giới thiệu việc làm thì tỉ lệ lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật chiếm tỉ lệ trên 30%. Những con số này phản ánh nỗ lực của các Trung tâm và tính hiệu quả của hoạt động giới thiệu, cung ứng lao động của các Trung tâm giới thiệu việc làm.

Tuy nhiên, trong thời gian qua, mặc dù mối liên hệ giữa Trung tâm và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đã được tăng cường nhưng việc tìm kiếm, giới thiệu việc làm của các Trung tâm vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của người sử dụng lao động. Tỉ lệ lao động cần tuyển dụng mà các doanh nghiệp đặt hàng cho Trung tâm mới đáp ứng được dưới 30%. Thậm chí trong những tháng gần đây, yêu cầu tuyển dụng lao động phổ thông của các doanh nghiệp cũng không đáp ứng được. Kết quả trên phản ánh, nguồn dự trữ lao động tìm việc làm của Trung tâm dịch vụ việc làm còn hạn chế, hiệu quả giới thiệu việc làm, cung ứng lao động của Trung tâm chưa cao, còn thiếu tính chủ động trong việc thu hút lao động, cung cấp lao động cho các đơn vị có nhu cầu; việc tư vấn, đào tạo kỹ năng làm việc cho người lao động chưa được chuẩn bị.

4.3. Thu thập, phân tích và cung cấp thông tin thị trường lao động

Hoạt động thu thập, phân tích và cung cấp thông tin thị trường lao động là một trong những nhiệm vụ chính của Trung tâm. Tuy nhiên, hiện nay chỉ các

Trung tâm do ngành lao động – thương binh và xã hội quản lý mới thực hiện nhiệm vụ này.

a) Về thu thập thông tin

Trung tâm dịch vụ việc làm các tỉnh, thành phố đã thực hiện đa dạng hóa các hình thức thu thập thông tin như: thiết lập các mối quan hệ chặt chẽ với các doanh nghiệp trên địa bàn để khai thác chỗ làm việc trống, kế hoạch và nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp; tham gia các cuộc điều tra khảo sát trên địa bàn tỉnh do Bộ hoặc Sở tổ chức; thống kê theo kết quả truy cập từ trang web, tham gia thu thập thông tin thứ cấp qua các báo đài, kết quả xử lý điều tra của các Bộ ngành,... Đặc biệt, từ năm 2008 Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tổ chức triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu về thị trường lao động, nhiều Trung tâm đã được trở thành trợ thủ đắc lực trong việc tổ chức và điều hành thu thập, nhập tin giúp Lãnh đạo các Sở trong việc cung cấp, tổng hợp thông tin biến động lao động trên địa bàn tỉnh, thành phố (Ví dụ: Đà Nẵng)

Có thể nói, từ năm 2006 các Trung tâm đã có những bước thay đổi trong việc thu thập thông tin: từ bị động sang chủ động, đã nhận thức được tầm quan trọng của việc thu thập thông tin đối với hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm. Các kết quả thống kê cho thấy, số lượng doanh nghiệp mà người lao động tiếp cận để có thông tin trên 200 ngàn doanh nghiệp mỗi năm chiếm hơn 70% tổng doanh nghiệp cả nước. Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thu thập thông tin còn có những hạn chế, cần phải khắc phục: Các mối quan hệ đã được thiết lập còn nhiều hạn chế, thiếu tính thường xuyên, liên tục; các Trung tâm cần tham gia tích cực vào việc điều tra, ghi chép số cung – cầu lao động để tạo nguồn thông tin, đa dạng hóa hình thức thu thập thông tin,...

b) Phân tích thông tin thị trường lao động

Nhiệm vụ phân tích thông tin thị trường lao động là nhiệm vụ khó, yêu cầu cán bộ có trình độ cao nên chưa được quan tâm ở các Trung tâm. Các Trung tâm mới dừng lại ở việc thống kê hoặc mới phân tích thông tin thị trường lao động ở phạm vi hẹp, dựa trên các dữ liệu như số người lao động đến tư vấn, người sử dụng lao động đăng ký tuyển,... Các kết quả phân tích thị trường lao động chưa được thể hiện trong hầu hết các báo cáo kết quả của Trung tâm. Do vậy chưa tham mưu được cho Sở và Ủy ban Nhân dân các giải pháp phát triển thị trường lao động địa phương. Việc phân tích thị trường thị trường lao động còn nhiều hạn chế do các nguyên nhân sau:

- Phân tích thông tin thị trường lao động là một hoạt động không mới nhưng thực sự rất khó cho các Trung tâm thực hiện vì hiện nay các phương pháp nghiên cứu, phân tích về thị trường lao động vẫn đang được hoàn chỉnh.

- Các chỉ tiêu phân tích thị trường lao động chưa được thống nhất trong cả nước, khó khăn trong việc hướng dẫn tới các Trung tâm.

- Đội ngũ cán bộ Trung tâm chưa được đào tạo bài bản, năng lực phân tích thông tin thị trường lao động hạn chế .

c) Cung cấp thông tin thị trường lao động

Cung cấp thông tin thị trường lao động là khâu cuối cùng trong dây truyền: Thu thập – Phân tích – Cung cấp. Từ những phân tích ở trên có thể khẳng định việc cung cấp thông tin thị trường lao động của các Trung tâm còn nghèo nàn mặc dù trong thời gian qua hoạt động đầu tư nâng cao năng lực các Trung tâm đặc biệt quan tâm đầu tư cho việc xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động.

Hiện nay, một số Trung tâm thuộc các tỉnh vùng kinh tế trọng điểm, nơi có thị trường lao động linh hoạt đã có các cổng thông tin như: trang web, bản tin,... như vieclamhanoi.net. Trong khuôn khổ dự án thị trường lao động do EU tài trợ, Trung tâm ở 63 tỉnh, thành phố đã được kết nối vào cổng thông tin điện tử việc làm được đặt tại Trung tâm quốc gia về dịch vụ việc làm. Hoạt động của cổng thông tin chung này nhằm mục đích cung ứng thông tin thị trường lao động cho mọi đối tượng, kết nối thông tin cung cầu lao động trên toàn quốc.

Tuy nhiên, các thông tin Trung tâm cung ứng chủ yếu là thông tin tổ chức sản giao dịch việc làm, danh sách người lao động tìm việc và một số chính sách lao động liên quan, rất ít thông tin về chỗ làm việc trống và các điều kiện tuyển dụng kèm theo cũng như các thông tin thứ cấp khác về lao động – việc làm trên địa bàn của tỉnh,... Trong thời gian tới, khi cơ sở dữ liệu thị trường lao động (cả cung và cầu lao động) được xây dựng và cập nhật thường xuyên thì các thông tin được cung ứng sẽ đa dạng, phong phú hơn.

4.4. Đào tạo nghề gắn với việc làm

Đào tạo nghề trong giai đoạn quá độ này cũng là một nhiệm vụ của Trung tâm dịch vụ việc làm, song đào tạo nghề ở đây khác với các cơ sở dạy nghề khác. Các Trung tâm tập trung đào tạo bổ sung và nâng cao kỹ năng cho người lao động nhằm đáp ứng yêu cầu của chỗ làm việc trống và yêu cầu chuyển đổi công việc hoặc vị trí làm việc của người lao động, đặc biệt chú ý tới đối tượng lao động đang thất nghiệp nhằm trang bị kỹ năng để họ sớm tái tham gia thị trường lao động, tìm được công ăn việc làm, ổn định đời sống.

Theo báo cáo của Trung tâm các tỉnh, thành phố về tình hình đào tạo nghề, trung bình mỗi năm các Trung tâm đào tạo được khoảng 200-300 ngàn người, trong đó các Trung tâm tự đào tạo chiếm tỉ lệ trên 60%, liên kết đào tạo 25%, số được đào tạo theo địa chỉ chiếm tỉ lệ rất thấp chỉ từ 5-10%. Tuy nhiên, số người được các Trung tâm giới thiệu việc làm đào tạo đăng ký tìm việc làm qua Trung tâm mới chỉ đạt khoảng 30%. Điều này cho thấy số lao động có chất lượng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động được đào tạo nghề tại Trung tâm còn đạt ở tỷ lệ thấp. Các ngành nghề mà Trung tâm giới thiệu việc làm tập trung đào tạo chủ yếu là những ngành nghề phổ thông: lái xe, may công nghiệp, tin học văn phòng....

Bên cạnh những kết quả đã đạt được từ công tác đào tạo, vấn đề nổi cộm trong thời gian qua là một số Trung tâm chỉ tập trung vào hoạt động đào tạo để tạo nguồn thu trước mắt mà sao nhãng hoặc ít quan tâm đến các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm hay thông tin thị trường lao động, đi ngược lại với tôn chỉ, mục đích, làm chệch hướng hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm.

4.5. Thực hiện hoạt động sự nghiệp Bảo hiểm thất nghiệp

Chính sách Bảo hiểm thất nghiệp của Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009. Đây là chính sách mới có tác động trực tiếp đến người lao động, người sử dụng lao động và các vấn đề an sinh xã hội. Chính sách Bảo hiểm thất nghiệp được ban hành và thực hiện nhằm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động bị mất việc làm, đồng thời hỗ trợ người lao động học nghề, tìm việc làm mới, giúp người lao động bị thất nghiệp nhanh chóng tái tham gia thị trường lao động.

Trung tâm dịch vụ việc làm của các tỉnh, thành phố thuộc ngành lao động – thương binh và xã hội được giao chức năng này theo Luật việc làm. Thực hiện nhiệm vụ bảo hiểm thất nghiệp từ việc đăng ký và tiến hành trình tự các thủ tục chi trả Bảo hiểm thất nghiệp từ 01/01/2010. Vì đây là nhiệm vụ mới và khó nên trong quá trình triển khai các Trung tâm gặp phải không ít khó khăn. Tuy nhiên, cũng phải khẳng định với vai trò mới này đã giúp và tăng cường được việc gắn kết tư vấn, giới thiệu việc làm với việc thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp.

Kết quả thu bảo hiểm thất nghiệp từ năm 2009 đến nay có nhiều chuyển biến tích cực, số lượng người tham gia bảo hiểm thất nghiệp năm sau đều cao hơn năm trước và luôn đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch Chính phủ giao. Số người tham gia BHTN hiện nay chiếm gần 81% trong tổng số người tham gia BHXH bắt buộc (11.451.531 người). Từ ngày 01/01/2010 đến 20/12/2014, Trung tâm dịch vụ việc làm các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã tiếp nhận được **2.010.642** lượt

người đăng ký thất nghiệp, trong đó có **1.836.686** người được hưởng trợ cấp thất nghiệp (TCTN), cụ thể như sau:

- Đăng ký thất nghiệp: Theo báo cáo của các Trung tâm dịch vụ việc làm tính đến 20/12/2014, trên toàn quốc có 2.010.642 lượt người đăng ký thất nghiệp. Số người đăng ký bình quân tăng nhanh theo từng năm, cụ thể như sau: Năm 2010 bình quân 15.801 người/tháng; Năm 2011 bình quân 27.775 người/tháng, tăng 75,8%; Năm 2012 bình quân 40.177 người/tháng, tăng 44,7% so với năm 2011; Năm 2013 bình quân 39.679 người/tháng, giảm 1,2% so với năm 2012; Năm 2014 bình quân 44.121 người/tháng, tăng 11,2% so với năm 2013.

NLĐ ĐKTN tập trung chủ yếu ở các thành phố lớn, kinh tế phát triển, có nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất như: Tp. Hồ Chí Minh (năm 2010 chiếm 31,2% so với số người ĐKTN toàn quốc, năm 2011 chiếm 31,7%, năm 2012 chiếm 29,5%, năm 2013 chiếm 25,8% và năm 2014 chiếm 21,8%); Bình Dương (năm 2010 chiếm 24,7%, năm 2011 chiếm 20,1%, năm 2012 chiếm 18,2%, năm 2013 chiếm 13,2% và năm 2014 chiếm 12,9%); Đồng Nai (năm 2010 chiếm 9,88%, năm 2011 chiếm 9%, năm 2012 chiếm 9,1%, năm 2013 chiếm 7,3% và năm 2014 chiếm 6,7%).

Qua thống kê cho thấy, hằng năm số người ĐKTN trên toàn quốc tăng từ tháng 1 đến tháng 3, sau đó giảm dần đến tháng 6, tháng 7 tăng nhẹ so với tháng 6, sau đó có xu hướng giảm từ tháng 8 đến tháng 12 hằng năm.

- Hưởng TCTN hàng tháng

Số lượt người có quyết định hưởng TCTN tăng hàng năm, tính đến 20/12/2014 có 1.836.686 lượt người, bằng 98,2% số người nộp hồ sơ đề nghị hưởng BHTN. Trong đó, số người có quyết định hưởng TCTN lần thứ hai, thứ ba ngày càng nhiều và có người được hưởng TCTN 09 tháng. Mức hưởng TCTN bình quân là 1,8 triệu đồng/người/tháng đến 2,2 triệu đồng/người/tháng.

Tỷ lệ những người có mức hưởng tối đa so sánh với số người có quyết định hưởng TCTN trên cả nước rất nhỏ (dao động trong khoảng 0,05 - 0,1%). Số người có mức hưởng TCTN cao tập trung chủ yếu ở các địa phương là trung tâm kinh tế của cả nước như: Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Bình Dương.

Theo thông tin của các TTDVVL và kết quả của các đoàn khảo sát các doanh nghiệp và NLD, NLD có mức thu nhập cao nghỉ việc do một số nguyên nhân sau:

+ Áp lực trong công việc là nguyên nhân khiến nhiều lao động xin nghỉ việc tại các doanh nghiệp, văn phòng đại diện của các công ty nước ngoài;

+ Tại một số địa phương có nhiều hoạt động đầu tư trực tiếp của nước ngoài như: Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, NLD làm việc tại các dự án, văn phòng đại diện thường có mức lương khá cao so với mặt bằng chung. Khi các dự án hoàn thành hoặc các văn phòng đại diện ngừng hoạt động, người sử dụng lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động với NLD;

+ Tại các đô thị lớn như Hà Nội, TP Hồ Chí Minh... những lao động có trình độ, có thu nhập cao dễ tìm kiếm được việc làm mới, do đó họ có xu hướng nghỉ ngơi một khoảng thời gian, sau đó tìm một việc làm mới có mức thu nhập tương đương hoặc cao hơn hiện tại.

- Tư vấn, giới thiệu việc làm

Các TTDVVL đã chú trọng và có nhiều biện pháp thiết thực để đẩy mạnh hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm cho người thất nghiệp ngay từ khi NLD đến ĐKTN và tạo điều kiện cho người thất nghiệp tiếp cận một cách tốt nhất về thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tích cực để người sử dụng lao động tiếp cận với người thất nghiệp để tuyển lao động.

Các Trung tâm đã tư vấn, giới thiệu việc làm cho 1.537.816 lượt người, bằng 83,8% so với số người có quyết định hưởng TCTN hàng tháng. Trong đó, năm 2010, 125.562 lượt người được tư vấn, giới thiệu việc làm; Năm 2011, 215.498 lượt người, tăng 71,6%; Năm 2012, 342.145 lượt người, tăng 58,7% so với năm 2011; Năm 2013, 397.338 lượt người, tăng 16,1% so với năm 2012; Năm 2014, 457.273 lượt người, tăng 15,1% so với năm 2013. Tổng số người được giới thiệu việc làm là 323.390 người (bằng 17,5% so với số người có quyết định hưởng TCTN).

- Hỗ trợ học nghề

Số người hưởng TCTN tham gia học nghề tăng mạnh qua các năm. Tổng số người được hỗ trợ học nghề là 36.475 người. Trong đó:

+ Năm 2010, có 23/63 địa phương có hỗ trợ học nghề đối với NLD với số lượng là: 270 người, bằng 0,2% so với số người có quyết định hưởng TCTN (156.765 người);

+ Năm 2011, có 26/63 địa phương có hỗ trợ học nghề đối với NLD với số lượng là: 1.036 người, tăng 283,7% so với năm 2010 và bằng 0,4% so với số người có quyết định hưởng TCTN (289.181 người);

+ Năm 2012, có 29/63 địa phương có hỗ trợ học nghề đối với NLD với số lượng là: 4.763 người, tăng 359,7% so với năm 2011 và bằng 1,1% so với số người

có quyết định hưởng TCTN (421.048 người). Trong đó, một số địa phương có số người được hỗ trợ học nghề cao, chiếm tỷ lệ lớn so với tổng số người được hỗ trợ học nghề trên toàn quốc là: TP. Hồ Chí Minh chiếm 32,3% (1.542 người); Hà Nội chiếm 21,8% (1.040 người); Vĩnh Phúc chiếm 13,5% (641 người); Đồng Nai chiếm 12,4% (592 người);

+ Năm 2013, có 42/63 địa phương có hỗ trợ học nghề đối với NLD với số lượng là: 10.610 người, tăng 122,8% so với năm 2012 và bằng 3,8% so với số người có quyết định hưởng TCTN. Trong đó, một số địa phương có số người được hỗ trợ học nghề cao, chiếm tỷ lệ lớn so với tổng số người được hỗ trợ học nghề trên toàn quốc là: TP. Hồ Chí Minh chiếm 49,4% (5.243 người); Đồng Nai chiếm 15,4% (1.635 người); Hà Nội chiếm 9,8% (1.035 người); Bình Dương chiếm 6,0% (640 người);

+ Năm 2014, có 51/63 địa phương có hỗ trợ học nghề đối với NLD với số lượng là: 19.796 người, tăng 86,6% so với năm 2013 và bằng 2,3% so với số người có quyết định hưởng TCTN (454.840 người). Trong đó, một số địa phương có số người được hỗ trợ học nghề cao, chiếm tỷ lệ lớn so với tổng số người được hỗ trợ học nghề trên toàn quốc là: TP. Hồ Chí Minh chiếm 60,8% (12.035 người); Đồng Nai chiếm 11,9% (2.355 người); Bình Dương chiếm 6,6% (1.302 người); Đà Nẵng chiếm 3,2% (629 người).

Tuy nhiên, tổng số người đăng ký thất nghiệp và số người hưởng thì số lượng người học nghề vẫn ở mức thấp. Số người có nguyện vọng và được hỗ trợ học nghề không nhiều là do các nguyên nhân như: NLD thất nghiệp chủ yếu là lao động phổ thông mà nhu cầu lao động phổ thông ở nước ta rất lớn, nên NLD dễ tìm kiếm việc làm mới sau khi thất nghiệp; nhu cầu tuyển lao động của các doanh nghiệp chủ yếu là lao động phổ thông, dù NLD đã qua đào tạo thì doanh nghiệp tuyển vào chỉ trả lương theo vị trí công việc như lao động phổ thông (như Công ty Canon Việt Nam mỗi năm cần tuyển 1 vạn lao động, sau khi tuyển lao động chỉ đào tạo một tuần và trả lương như nhau, không phân biệt NLD đã qua đào tạo hay chưa đều làm cùng vị trí công việc); mức hỗ trợ học nghề thấp (trước khi có Quyết định 55/2013/QĐ-TTg và thời gian ngắn, khó khăn cho NLD khi tham gia các khoá đào tạo trên 6 tháng, trong điều kiện NLD không có dự trữ để đảm bảo sinh hoạt và cuộc sống; NLD nghỉ việc có xu hướng chuyển về địa phương của mình để tìm việc làm mới nhằm giảm chi phí sinh hoạt, đoàn tụ gia đình nên không có nhu cầu học nghề;....

5. Đánh giá

5.1. Những mặt được

- Các quy định của pháp luật về hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm ngày càng hoàn thiện. Hệ thống khung pháp lý cho hoạt động dịch vụ việc làm đã quy định đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, tài chính, cán bộ để hoạt động giới thiệu việc làm, chức năng nhiệm vụ, quyền và nghĩa vụ của tổ chức giới thiệu việc làm. Ngoài ra, các doanh nghiệp muốn hoạt động giới thiệu việc làm phải đảm bảo các điều kiện, thủ tục để được cấp giấy phép, góp phần chấn chỉnh, đưa hoạt động giới thiệu việc làm dần đi vào ổn định, giảm thiểu những tiêu cực phát sinh;

- Hệ thống Trung tâm dịch vụ việc làm đã được hình thành và ngày càng phát triển, không chỉ trong hệ thống ngành Lao động-Thương binh và Xã hội mà còn mở rộng ra các ngành, lĩnh vực khác. Ngoài ra còn có sự tham gia của các tổ chức đoàn thể đã phần nào đáp ứng được nhu cầu của người lao động, người sử dụng lao động.

- Các Trung tâm đã được địa phương, cơ quan chủ quản và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất, địa điểm, nhà xưởng, trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động. Nguồn đầu tư này đã được nhiều Trung tâm sử dụng hợp lý để đầu tư cho các hoạt động giới thiệu việc làm, góp phần nâng cao chất lượng các dịch vụ do Trung tâm cung cấp;

- Hoạt động của Trung tâm cơ bản đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động; phù hợp với các quy định quốc tế về dịch vụ việc làm. Các Trung tâm đã đóng góp tích cực vào công tác giải quyết việc làm cho người lao động. Vai trò quan sát, thu thập và cung cấp thông tin thị trường lao động của các Trung tâm đã phát triển mạnh. Trung tâm ngày càng trở thành địa chỉ tin cậy cho người lao động, người sử dụng lao động, các cơ sở đào tạo và các cơ quan quản lý Nhà nước Trung ương và địa phương;

- Sự kết nối trong hoạt động của các Trung tâm đã có tiến bộ đáng kể. Nhiều Trung tâm đã phối hợp tốt trong hoạt động giới thiệu việc làm và cung ứng lao động, thông tin cho nhau về nhu cầu tuyển dụng lao động, nguồn lao động. Giữa các Trung tâm đã có sự giao lưu, học hỏi kinh nghiệm rất sôi động và có hiệu quả.

Nguyên nhân đạt được kết quả trên là:

- Chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đã tạo môi trường pháp lý khá đầy đủ để hệ thống Trung tâm giới thiệu việc làm hình thành và phát triển;

- Vai trò của Trung tâm giới thiệu việc làm đã từng bước được thừa nhận, hoạt động giới thiệu việc làm đã được các cấp, các ngành và các tổ chức chính trị - xã hội bước đầu tạo điều kiện về mặt bằng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài chính,

cán bộ, đồng thời được một số tổ chức quốc tế quan tâm hỗ trợ về kỹ thuật và cơ sở vật chất;

- Nhờ sự cố gắng, nhiệt tình và tâm huyết của đội ngũ cán bộ làm công tác giới thiệu việc làm....

5.2. Những hạn chế

- Cơ chế, chính sách về tổ chức và hoạt động dịch vụ việc làm mặc dù đã hình thành về cơ bản song vẫn còn thiếu và chậm được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, đặc biệt là cơ chế tài chính của Trung tâm dịch vụ việc làm, việc thu phí giới thiệu việc làm, thuê... gây khó khăn trong quản lý và hoạt động của các tổ chức giới thiệu việc làm:

+ Về biên chế và tài chính của Trung tâm dịch vụ việc làm được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, tuy nhiên đây là Nghị định quy định chung cho các đơn vị sự nghiệp có thu, các nội dung quy định phân nhiều mang tính định hướng, chưa tính đến đặc thù hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm, trong khi các văn bản hướng dẫn cụ thể vẫn chỉ đang trong giai đoạn dự thảo, chưa được ban hành. Do vậy, việc áp dụng các quy định của Nghị định vào hoạt động của Trung tâm gặp nhiều khó khăn.

+ Về thu phí từ các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, thông tin thị trường lao động: Theo quy định tại Nghị định số 196/2013/NĐ-CP, Trung tâm dịch vụ việc làm được thu phí theo quy định của pháp luật. Mặc dù vậy, văn bản hướng dẫn cụ thể về các mức phí, đối tượng thu phí, cơ chế quản lý phí hiện nay chưa được ban hành (chưa có thông tư thay thế thông tư số 95/2007/TTLT-BTC-BLĐTBXH). Do vậy hầu hết các Trung tâm và cơ quan chủ quản đều rất lúng túng, bị động.

- Việc rà soát và quy hoạch hệ thống Trung tâm dịch vụ việc làm của các địa phương, Bộ, ngành, tổ chức chính trị-xã hội còn chưa được chú trọng đúng mức: Sau khi Nghị định số 196/2013/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn có hiệu lực, tỷ lệ các địa phương xây dựng quy hoạch tổng thể về phát triển hệ thống Trung tâm dịch vụ việc làm trên địa bàn cũng mới chỉ đạt 30%. Ngoài ra, một số địa phương, tổ chức chính trị xã hội ra Quyết định thành lập mới Trung tâm trong khi chưa bảo đảm những điều kiện tối thiểu để Trung tâm thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 196/2013/NĐ-CP. Một số địa phương, tổ chức chính trị xã hội không tiến hành rà soát, thành lập lại Trung tâm theo quy định của Nghị định số 196/2013/NĐ-CP mà chỉ ra Quyết định đổi tên.

- Nguồn tài chính cho Trung tâm dịch vụ việc làm vẫn còn là vấn đề bức xúc. Mặc dù theo quy định của pháp luật, các Trung tâm dịch vụ việc làm khi thành lập và hoạt động được cơ quan chủ quản bảo đảm về biên chế cán bộ, tài chính và các điều kiện để hoạt động, tuy nhiên trên thực tế rất nhiều Trung tâm chỉ được giao biên chế một cách hình thức, không có quỹ lương và chi phí hành chính. Do vậy, Trung tâm gặp nhiều khó khăn, làm hạn chế hiệu quả hoạt động, dẫn đến sự chệch hướng trong hoạt động của nhiều Trung tâm: chỉ quan tâm đến hoạt động dạy nghề có thu mà không chú trọng đến hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, thông tin thị trường lao động;

- Đội ngũ cán bộ làm công tác dịch vụ việc làm còn thiếu về số lượng và chưa đáp ứng được yêu cầu về nghiệp vụ chuyên môn. Trong tổng số cán bộ làm việc ở Trung tâm chỉ có 32% cán bộ trực tiếp làm công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, thông tin thị trường lao động;

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị dành cho các hoạt động giới thiệu việc làm còn thiếu thốn, lạc hậu, đặc biệt là các trang thiết bị công nghệ hiện đại phục vụ cho tự động hoá các hoạt động thông tin thị trường lao động, giới thiệu việc làm.

- Sự phối hợp hoạt động giữa các Trung tâm còn hạn chế, đặc biệt trong lĩnh vực cung cấp các thông tin thị trường lao động, do vậy chưa phát huy được tối đa năng lực của Trung tâm.

Nguyên nhân của những tồn tại trên là:

- Nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động dịch vụ việc làm trong phát triển thị trường lao động chưa đầy đủ, thiếu thống nhất. Một số địa phương, cơ quan, tổ chức, các cấp lãnh đạo chưa quan tâm đầu tư, bố trí đủ kinh phí để các Trung tâm hoạt động có hiệu quả;

- Thiếu hệ thống chính sách đồng bộ và dài hạn về hỗ trợ cho các Trung tâm dịch vụ việc làm, đặc biệt là các chính sách đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị, chính sách cán bộ, chính sách đào tạo, chính sách tài chính...;

- Thiếu quy hoạch hệ thống tổ chức dịch vụ việc làm của cả nước và ở từng địa phương.

Như vậy, việc quy hoạch mạng lưới Trung tâm dịch vụ việc làm cần thiết. Mạng lưới các Trung tâm chưa phù hợp với từng thị trường lao động, nhiều Trung tâm được thành lập nhưng không có nguồn để “nuôi” nên hoạt động hạn chế, không đi vào trọng tâm. Số lượng cán bộ dịch vụ việc làm còn ít, yếu, không cố định. Các điểm giao dịch tiếp xúc chưa đến được với mọi người lao động, người sử dụng lao động, hầu hết tập trung chủ yếu ở các khu đô thị lớn. Thông tin thị trường

lao động chưa được kết nối thông suốt, không có sự liên kết tỉnh, liên kết vùng gây khó khăn trong công tác dịch vụ việc làm. Vai trò, vị trí của Trung tâm còn yếu, chưa nhận được sự quan tâm của xã hội.

PHẦN III: QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI CÁC TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM GIAI ĐOẠN 2016-2025

I. BỐI CẢNH QUỐC TẾ, TRONG NƯỚC

1. Trong nước

1.1. Triển vọng kinh tế và thị trường lao động

Theo dự báo³, kinh tế Việt Nam tiếp tục phục hồi, dự kiến sẽ đạt mức tăng trưởng GDP bình quân 6%/năm trong giai đoạn 2015-2020. Tuy nhiên, để đạt mức này, bản thân nền kinh tế phải có những cải cách và thay đổi mạnh mẽ nhằm tăng năng suất của toàn bộ nền kinh tế, tái cơ cấu nguồn lực theo hướng chất lượng cao hơn. Điều này sẽ có tác động tích cực đến thị trường lao động. Đặc biệt, Việt Nam sẽ chính thức ra nhập Cộng đồng kinh tế ASEAN vào cuối năm 2015 và trong những năm tiếp theo sẽ tiếp tục hội nhập sâu rộng hơn vào nền kinh tế khu vực và thế giới, đòi hỏi một LLLĐ năng động và một TTLĐ phát triển để đáp ứng chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu. Quan trọng hơn nữa, Luật Việc làm 2013, Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014 và Luật Bảo hiểm sửa đổi 2014 sẽ là cơ sở pháp lý quan trọng, tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển TTLĐ Việt Nam.

Do quá trình chuyển đổi nhân khẩu học, sức ép về việc làm sẽ tiếp tục giảm, song nâng cao chất lượng việc làm là một trong những thách thức, giảm tỷ lệ thiếu việc làm, việc làm có thu nhập thấp có vai trò quan trọng. Dự kiến, nhu cầu lao động tiếp tục tăng mạnh trong các ngành sản xuất phân phối điện, khí đốt; công nghiệp chế biến chế tạo; thông tin và truyền thông. Trong khi, lao động trong ngành tài chính, ngân hàng và bảo hiểm, xây dựng và hoạt động kinh doanh bất động sản, nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản sẽ giảm. Tuy nhiên, chất lượng lao động đáp ứng yêu cầu tái cấu trúc nền kinh tế và hội nhập vẫn là thách thức.

1.2. Dự báo dân số, lao động, việc làm

- *Quy mô dân số cả nước* sẽ vẫn tiếp tục gia tăng, sẽ đạt mức xấp xỉ 91,68 triệu người năm 2015 và 96,5 triệu người vào năm 2020. Giai đoạn 2015-2020, tăng trưởng dân số đạt mức bình quân 1,03%/năm (thấp hơn so với giai đoạn trước, 1,07%/năm giai đoạn 2010-2014), tương đương tăng thêm bình quân 964 nghìn người mỗi năm.

³ Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR), Báo cáo Dự báo về tình hình kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 – 2020 đã đưa ra ba kịch bản cho kinh tế Việt Nam giai đoạn 2016 – 2020 như sau: (i) Kịch bản thấp: tăng trưởng thực (giá cố định, đã loại bỏ lạm phát): 5,5%, (tương đương tỉ lệ vốn đầu tư trên GDP khoảng 30,5-31% GDP, giữ ổn định như hiện nay); (ii) Kịch bản trung bình: Tăng trưởng thực (giá cố định) 6%, (tương đương tỉ lệ vốn đầu tư trên GDP khoảng 30-31% GDP, ổn định so với hiện nay); (iii) Kịch bản trung bình: tăng trưởng thực (giá cố định): 6,5% (tương đương tỉ lệ vốn đầu tư trên GDP khoảng 31-32% GDP, tăng nhẹ so với hiện nay).

- *Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên*: Giai đoạn 2015-2020, do tác động đồng thời của suy giảm tốc độ tăng dân số, số người bước vào tuổi lao động và tăng số người ra khỏi tuổi lao động, tăng trưởng LLLĐ sẽ chậm lại, còn 1,34%/năm (so với 1,58%/năm giai đoạn 2010-2014), tương ứng tăng 760 nghìn người/năm, trong đó khu vực thành thị tăng thêm 522 nghìn người/năm và khu vực nông thôn tăng thêm 237 nghìn người/năm. Tăng trưởng LLLĐ tiếp tục cao hơn so với tăng trưởng dân số do hưởng lợi từ cơ cấu dân số vàng (1,34%/năm so với 1,03%/năm). Quy mô LLLĐ đạt 54,79 triệu người năm 2015 và 58,56 triệu người năm 2020.

- *Tỷ lệ tham gia LLLĐ có xu hướng tăng nhẹ* từ 77,84% năm 2015 lên 78,66% năm 2020; ở khu vực nông thôn, tỷ lệ này sẽ tăng khá nhanh từ 81,15% năm 2015 đến 83,24% năm 2020, trong khi ở khu vực thành thị chững lại ở mức gần 71%.

- *Tỷ lệ lao động qua đào tạo*: giai đoạn 2015-2020, để đáp ứng nhu cầu tái cấu trúc nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, chất lượng nguồn nhân lực cần được cải thiện mạnh mẽ, cần tăng nhanh tỷ lệ lao động qua đào tạo, đặc biệt là lao động có bằng cấp/chứng chỉ. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 51,64% năm 2016, tăng lên 70% năm 2020 (tăng 4,3 điểm phần trăm mỗi năm), trong đó, tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ cũng sẽ tăng từ 20,55% năm 2015 lên 40% năm 2020.

- *Lao động có việc làm*: giai đoạn 2015-2020, kinh tế vĩ mô phục hồi và tăng trưởng, tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và năng lực cạnh tranh. Việc tinh giản biên chế trong khu vực Nhà nước và tư nhân sẽ tiếp tục diễn ra mạnh mẽ, khiến nhiều lao động không đáp ứng yêu cầu về năng lực và trình độ tay nghề, kỹ năng sẽ bị mất việc. Đồng thời, khả năng tạo việc làm của nền kinh tế thiên về tạo việc làm chất lượng, bền vững hơn là số lượng. Do đó, tăng trưởng việc làm cũng sẽ chậm lại, còn 1,28%/năm (so với 1,51%/năm giai đoạn 2011-2014), tương ứng tăng 701 nghìn người/năm. Tổng số việc làm tăng thêm trong 5 năm là 3,5 triệu người. Quy mô việc làm đạt 53,69 triệu người năm 2015 và 57,21 triệu người năm 2020.

- *Tỷ lệ lao động nông nghiệp* giảm nhanh hơn do yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, từ 43,34% năm 2015 xuống còn 30% năm 2020 (giảm 2,7 điểm phần trăm mỗi năm).

- *Thất nghiệp trong độ tuổi lao động*: giai đoạn 2015 -2020, tỷ lệ thất nghiệp của LLLĐ trong độ tuổi lao động vẫn có xu hướng tăng nhẹ cho thấy sức ép về giải quyết việc làm đang gia tăng trong bối cảnh một nền kinh tế đang tái cấu trúc. Tỷ lệ thất nghiệp chung của cả nước tăng từ 2,3% năm 2015 lên 2,7% năm 2020. Đặc

biệt, tỷ lệ thất nghiệp thành thị cũng sẽ tiếp tục cao và tăng khá nhanh từ 3,8% lên 5,2% trong cùng giai đoạn.

2. Quốc tế

- Xu thế toàn cầu hoá, một mặt tăng khả năng giao lưu, hội nhập và hợp tác giữa các nước trong khu vực và thế giới; mặt khác, tạo ra khả năng cạnh tranh ngày càng cao trong mọi lĩnh vực, lĩnh vực giới thiệu việc làm thực sự trở thành yếu tố cơ bản trong cạnh tranh để phát triển thị trường lao động, mở rộng cơ hội việc làm, thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực, tạo môi trường thuận lợi trong việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài và phát triển của các doanh nghiệp trong nước;

Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật và công nghệ phát triển với quy mô và trình độ ngày càng cao tạo điều kiện cho công nghệ thông tin, nhiều ngành nghề mới phát triển với trình độ cao. Cơ cấu việc làm tạo ra trong nền kinh tế cũng có nhiều thay đổi, một mặt tạo cơ hội cho hoạt động dịch vụ việc làm phát triển, mặt khác cũng đòi hỏi các trung tâm dịch vụ việc làm phải năng động, đổi mới và nâng cao hiệu quả dịch vụ cho phù hợp với nhu cầu trong tình hình mới;

- Việt Nam đã chính thức gia nhập Hiệp hội dịch vụ việc làm công thế giới đặt ra vấn đề cần phải tăng cường vai trò chỉ đạo của Trung ương đối với khu vực và địa phương.

- Trong bối cảnh thị trường chung ASEAN, trong đó có thị trường lao động hình thành vào năm đã tạo điều kiện cho lao động tự do di chuyển, nhất là lao động có trình độ cao. Khi đó lao động Việt Nam có thể tự do tìm kiếm việc làm ở các nước trong ASEAN, tuy nhiên lao động của các nước khác trong ASEAN cũng có thể tràn vào Việt Nam để tìm kiếm công ăn, việc làm.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Quy hoạch mạng lưới Trung tâm dịch vụ việc làm rộng khắp cả nước tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động, người sử dụng lao động tiếp cận được các thông tin thị trường lao động, được tham gia các phiên giao dịch việc làm, được tư vấn, giới thiệu việc làm, tuyển lao động.

- Quy hoạch mạng lưới Trung tâm dịch vụ việc làm phù hợp với điều kiện nguồn lực và trình độ phát triển kinh tế-xã hội của đất nước từng giai đoạn; tại mỗi vùng kinh tế, tỉnh, thành phố phù hợp với quy mô, phân bố của lực lượng lao động; bảo đảm kết nối cung – cầu lao động, cơ hội việc làm của người lao động; hình thành các Trung tâm dịch vụ việc làm trọng điểm ở các vùng kinh tế trọng điểm; các tỉnh có thị trường lao động đặc trưng;

- Quy hoạch mạng lưới Trung tâm dịch vụ việc làm trên cơ sở quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển nhân lực cả nước, của từng ngành, vùng, địa phương trong từng thời kỳ, bảo đảm kết nối cung – cầu lao động, cơ hội việc làm của người lao động và phát huy năng lực, hiệu quả của các Trung tâm dịch vụ việc làm hiện có.

- Quy hoạch mạng lưới Trung tâm dịch vụ việc làm phải đảm bảo tính kế thừa, tính hiệu quả, phù hợp với khả năng đầu tư của Nhà nước và khả năng huy động nguồn lực xã hội để phát triển mạng lưới Trung tâm dịch vụ việc làm

- Thực hiện thống nhất quản lý nhà nước các Trung tâm dịch vụ việc làm về quy hoạch, chất lượng và chuẩn hóa (chuyên nghiệp hóa) đội ngũ cán bộ viên chức làm trong các Trung tâm dịch vụ việc làm.

- Đối với những địa phương có thị trường lao động phát triển, có số người cần tìm việc làm lớn, tỷ lệ thất nghiệp cao thì tùy theo tình hình cụ thể để phát triển số lượng các Trung tâm cho phù hợp với cầu phát triển của thị trường lao động;

- Chuyển đổi loại hình đối với các Trung tâm không hoạt động đúng mục đích, không đáp ứng đủ các điều kiện của Nghị định số 196/2013/NĐ-CP (điều kiện về biên chế, tài chính,...).

- Đưa vào hoạt động 4 Trung tâm dịch vụ việc làm khu vực ở 4 vùng kinh tế trọng điểm thuộc Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam, Đồng bằng sông Cửu long thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý để điều hành thống nhất, kết nối trong cả nước.

- Để gắn với sự phát triển của thị trường lao động, phù hợp với xu thế hội nhập ASEAN, khu vực và thế giới thì việc tổ chức hệ thống các Trung tâm DVVL theo ngành dọc cần được tính đến và dự kiến lộ trình thực hiện.

2. Mục tiêu

2. Mục tiêu phát triển

2.1. Mục tiêu tổng quát

Quy hoạch mạng lưới các Trung tâm dịch vụ việc làm nhằm tăng cường sự kết nối cung-cầu lao động, rút ngắn thời gian tìm việc của người lao động, thời gian tuyển dụng của doanh nghiệp, giảm tỷ lệ thất nghiệp thành thị, tăng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động nông thôn, góp phần thúc đẩy tăng trưởng và giải quyết việc làm cho người lao động. Nâng cao năng lực của các Trung tâm dịch vụ việc làm cả về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và đội ngũ nhân lực nhằm thúc đẩy thị trường lao động Việt Nam sớm trở thành thị trường lao động hoàn thiện.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Hoạt động tư vấn

- Năm 2020, có 2.000.000 lượt người được tư vấn trực tiếp tại Trung tâm;
- Năm 2025, có 2.500.000 lượt người được tư vấn trực tiếp tại Trung tâm;

b) Hoạt động giới thiệu việc làm và cung ứng lao động

- Năm 2020, 100% người lao động đến các Trung tâm dịch vụ việc làm được tư vấn chính sách việc làm và học nghề, trong đó có 50% số người lao động được giới thiệu tìm việc làm, 70% số người lao động được giới thiệu tìm việc làm có kết nối việc làm thành công; đồng thời, đáp ứng được 50% nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp.

- Năm 2025, 100% người lao động đến các Trung tâm dịch vụ việc làm được tư vấn chính sách việc làm và học nghề, trong đó có 60% số người lao động được giới thiệu tìm việc làm, 75% số người lao động được giới thiệu tìm việc làm có kết nối việc làm thành công; đồng thời, đáp ứng được 70% nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp.

c) Hoạt động thu thập, phân tích, dự báo và phổ biến thông tin thị trường lao động

- Năm 2020, 100% các Trung tâm dịch vụ việc làm nhóm 1 và 2 tổ chức thu thập, xử lý, khai thác và phổ biến thông tin thị trường lao động; xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người – người tìm việc, được kết nối trong toàn hệ thống và dự báo thị trường lao động của tỉnh, của vùng.

- Năm 2025, toàn bộ hệ thống các Trung tâm dịch vụ việc làm (nhóm 1, 2 và 3) tổ chức thu thập, xử lý, khai thác và phổ biến thông tin thị trường lao động; xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người – người tìm việc, được kết nối trong toàn hệ thống và dự báo thị trường lao động của tỉnh, của vùng và của ngành.

d) Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ năng và năng lực tìm kiếm việc làm, chuyển đổi nghề nghiệp theo quy định của pháp luật: Đến năm 2020 có 500.000 người và năm 2025 là 700.000 người được hỗ trợ đào tạo, tập huấn.

đ) Tiếp nhận và giải quyết các chế độ bảo hiểm thất nghiệp.

Năm 2020, 100% người lao động đến nộp hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp được tư vấn về chính sách việc làm và học nghề; đảm bảo tất cả những lao động có nhu cầu tìm kiếm việc làm đều được hỗ trợ;

e) Tổ chức có hiệu quả việc hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động thực hiện các chương trình, dự án về việc làm, thị trường lao động theo quy định của pháp luật.

g) Thực hiện việc tuyển và quản lý lao động Việt Nam làm việc cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam theo đúng quy định của pháp luật.

III . NỘI DUNG QUY HOẠCH

1. Điều kiện thành lập, nhiệm vụ của Trung tâm

Điều kiện thành lập các Trung tâm dịch vụ việc làm phải tuân theo đúng quy định tại Điều 3 Nghị định số 196/2013/NĐ-CP. Cụ thể gồm 7 điều kiện sau đây:

a) Xác định cụ thể mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ.

b) Phù hợp với quy hoạch mạng lưới Trung tâm dịch vụ việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Có trụ sở làm việc hoặc đề án quy hoạch cấp đất xây dựng trụ sở đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (trường hợp xây dựng trụ sở mới).

d) Có trang thiết bị và phương tiện làm việc để thực hiện các hoạt động dịch vụ việc làm theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị và phương tiện làm việc của cơ quan và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước.

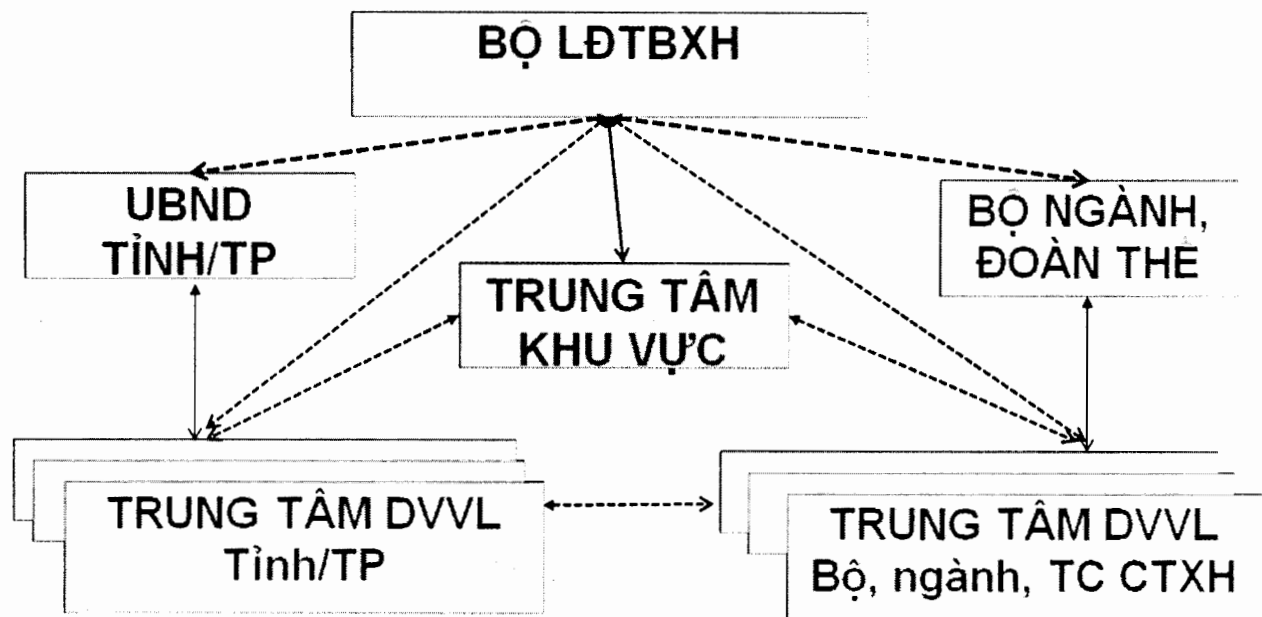
e) Có ít nhất 15 (mười lăm) cán bộ có trình độ cao đẳng trở lên.

g) Được đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên do cơ quan có thẩm quyền thành lập cấp theo quy định của pháp luật.

h) Đối với Trung tâm dịch vụ việc làm thuộc Bộ, ngành và tổ chức chính trị xã hội khi thành lập phải có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi Trung tâm đặt trụ sở.

2. Mô hình mạng lưới các Trung tâm dịch vụ việc làm

2.1 Mô hình



2.2 Mối quan hệ giữa các Trung tâm

- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Cục Việc làm): Hướng dẫn nghiệp vụ cho tất cả các Trung tâm dịch vụ việc làm.

- Trung tâm dịch vụ việc làm khu vực do Bộ LĐTBXH thành lập:

+ Thực hiện nhiệm vụ của địa phương theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân đặt trên địa bàn

+ Thực hiện nhiệm vụ khu vực theo chỉ đạo của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

+ Thu thập, tổng hợp và điều phối các hoạt động về dịch vụ việc làm đối với các Trung tâm trong vùng.

+ Giữa Bộ LĐTBXH và UBND tỉnh có văn bản thỏa thuận trong việc điều hành, quản lý Trung tâm dịch vụ việc làm khu vực.

- Trung tâm dịch vụ việc làm do UBND tỉnh thành lập và giao Sở LĐTBXH quản lý:

+ Thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh giao theo quy định tại Nghị định số 196/2013/NĐ-CP.

+ Có trách nhiệm báo cáo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phục vụ cho hoạt động của khu vực theo hướng dẫn của Trung tâm dịch vụ việc làm khu vực.

+ Có trách nhiệm báo cáo Bộ LĐTBXH về hoạt động chuyên môn theo quy định của pháp luật.

- Trung tâm dịch vụ việc làm do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập và giao cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất quản lý; do Bộ Quốc phòng thành lập; do tổ chức chính trị xã hội thành lập:

+ Thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan ra quyết định thành lập giao theo quy định tại Nghị định số 196/2013/NĐ-CP.

+ Nhân sự, tài chính, cơ sở vật chất của Trung tâm do cơ quan ra quyết định thành lập đảm bảo để hoạt động.

+ Thực hiện báo cáo Sở LĐTBXH nơi đặt trụ sở chính về kết quả hoạt động của Trung tâm.

2.3 Số lượng các Trung tâm

- Đến năm 2020: Có 131 Trung tâm dịch vụ việc làm

- Đến năm 2025: Có 131 Trung tâm dịch vụ việc làm

2.4 Phân bố các Trung tâm

a) Theo thẩm quyền thành lập

- Đến năm 2020.

+ Có 10 Trung tâm dịch vụ việc làm do Bộ trưởng thành lập, trong đó có 04 Trung tâm do Bộ trưởng Bộ LĐTBXH thành lập và 06 Trung tâm do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thành lập.

+ Có 64 Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, trong đó có 61 Trung tâm giao cho Sở LĐTBXH quản lý; 03 Trung tâm giao cho Ban quản lý KCN-KCX quản lý.

+ Có 57 Trung tâm dịch vụ việc làm do Thủ trưởng cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị xã hội thành lập.

- Đến năm 2025.

+ Có 11 Trung tâm dịch vụ việc làm do Bộ trưởng thành lập, trong đó có 05 Trung tâm do Bộ trưởng Bộ LĐTBXH thành lập, có 6 Trung tâm do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thành lập.

+ Có 63 Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, trong đó có 60 Trung tâm giao cho Sở LĐTBXH quản lý; 03 Trung tâm giao cho Ban quản lý KCN-KCX quản lý.

+ Có 57 Trung tâm dịch vụ việc làm do Thủ trưởng cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị xã hội thành lập.

b) Theo vùng kinh tế lãnh thổ

- Đến 2020:

+ Vùng Trung du miền núi phía Bắc: Có 24 Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Thành lập; Trung tâm dịch vụ việc làm do Thủ trưởng cơ quan tổ chức chính trị - xã hội thành lập.

+ Vùng Đồng bằng sông Hồng: Có 36 Trung tâm dịch vụ việc làm, gồm 6 Trung tâm dịch vụ việc làm do Bộ trưởng, Thủ trưởng, cơ quan ngang Bộ thành lập; 13 Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Thành lập; 17 Trung tâm dịch vụ việc làm do Thủ trưởng cơ quan tổ chức chính trị - xã hội thành lập.

+ Vùng Bắc trung bộ và Duyên hải miền Trung: Có 30 Trung tâm dịch vụ việc làm, gồm 01 Trung tâm do Bộ trưởng thành lập; 13 Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Thành lập; 16 Trung tâm dịch vụ việc làm do Thủ trưởng cơ quan tổ chức chính trị - xã hội thành lập.

+ Vùng Tây Nguyên: Có 05 Trung tâm dịch vụ việc làm, gồm 05 Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Thành lập.

+ Vùng Đông Nam Bộ: Có 15 Trung tâm dịch vụ việc làm, gồm: 02 Trung tâm dịch vụ việc làm do Bộ trưởng, Thủ trưởng, cơ quan ngang Bộ thành lập; 07 Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Thành lập; 06 Trung tâm dịch vụ việc làm do Thủ trưởng cơ quan tổ chức chính trị - xã hội thành lập.

+ Vùng Đồng bằng sông Cửu Long: có 21 Trung tâm dịch vụ việc làm, gồm 01 Trung tâm do Bộ trưởng thành lập; 12 Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Thành lập; 8 Trung tâm dịch vụ việc làm do Thủ trưởng cơ quan tổ chức chính trị - xã hội thành lập.

- Đến 2025:

+ Vùng Trung du miền núi phía Bắc: Có 24 Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Thành lập; Trung tâm dịch vụ việc làm do Thủ trưởng cơ quan tổ chức chính trị - xã hội thành lập.

+ Vùng Đồng bằng sông Hồng: Có 36 Trung tâm dịch vụ việc làm, gồm 6 Trung tâm dịch vụ việc làm do Bộ trưởng, Thủ trưởng, cơ quan ngang Bộ thành lập; 13 Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Thành lập; 17 Trung tâm dịch vụ việc làm do Thủ trưởng cơ quan tổ chức chính trị - xã hội thành lập.

+ Vùng Bắc trung bộ và Duyên hải miền Trung: Có 30 Trung tâm dịch vụ việc làm, gồm 01 Trung tâm do Bộ trưởng thành lập, 13 Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Thành lập; 16 Trung tâm dịch vụ việc làm do Thủ trưởng cơ quan tổ chức chính trị - xã hội thành lập.

+ Vùng Tây Nguyên: Có 5 Trung tâm dịch vụ việc làm, gồm 01 Trung tâm do Bộ trưởng thành lập; 04 Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Thành lập.

+ Vùng Đông Nam Bộ: Có 15 Trung tâm dịch vụ việc làm, gồm: 02 Trung tâm dịch vụ việc làm do Bộ trưởng, Thủ trưởng, cơ quan ngang Bộ thành lập; 07 Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Thành lập; 06 Trung tâm dịch vụ việc làm do Thủ trưởng cơ quan tổ chức chính trị - xã hội thành lập.

+ Vùng Đồng bằng sông Cửu Long: có 21 Trung tâm dịch vụ việc làm, gồm 01 Trung tâm do Bộ trưởng thành lập, 12 Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Thành lập; 08 Trung tâm dịch vụ việc làm do Thủ trưởng cơ quan tổ chức chính trị - xã hội thành lập.

3. Quy mô của các Trung tâm

3.1 Nhóm 1: Trung tâm dịch vụ việc làm khu vực

a) Thành lập và quản lý

- Giai đoạn 2016-2020: Nâng cấp và chuyển đổi 4 Trung tâm của Hải Dương, Đà Nẵng, Cần Thơ, Đồng Nai mà đã được đầu tư sang Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý theo quy định tại Nghị định số 196/2013/NĐ-CP.

- Giai đoạn 2020-2025: Nâng cấp và chuyển đổi 1 Trung tâm của Đắk Lắk mà đã được đầu tư sang Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý

b) Nhiệm vụ của Trung tâm

* Nhiệm vụ của khu vực

- Tiếp nhận và giải quyết nhu cầu tư vấn về việc làm, học nghề, chính sách có liên quan đến quan hệ lao động theo quy định của pháp luật lao động trong khu vực.

- Phối hợp tổ chức thực hiện các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối việc làm trực tiếp và trực tuyến giữa các Trung tâm DVVL trong khu vực; giữa khu vực với các Trung tâm khác trong toàn quốc.

- Tổ chức thu thập, phân tích, dự báo và cung ứng thông tin thị trường lao động trong khu vực.

- Tổ chức và phối hợp tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực tìm kiếm việc làm; đào tạo kỹ năng, dạy nghề phù hợp với đặc điểm của lực lượng lao động, yêu cầu của người sử dụng lao động trong vùng.

- Phối hợp tổ chức các hoạt động hỗ trợ người lao động trong vùng trong trường hợp chuyển từ nghề này sang nghề khác, từ địa phương này sang địa phương khác, di chuyển ra nước ngoài làm việc và các hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức và phối hợp tổ chức các hoạt động truyền thông để tuyên truyền phổ biến chính sách, pháp luật về lao động, việc làm; quảng bá hình ảnh và nâng cao vị thế của Trung tâm vùng.

- Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thị trường lao động khu vực.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ năng lực của cán bộ, viên chức các Trung tâm DVVL trong vùng, đồng thời làm địa điểm và đầu mối tổ chức các sự kiện của ngành Lao động – Thương binh và Xã hội tại các vùng.

- Theo dõi và tổng hợp kết quả hoạt động dịch vụ của các Trung tâm dịch vụ việc làm trong vùng.

* Nhiệm vụ của địa phương nơi đặt trụ sở

- Hoạt động tư vấn, bao gồm: Tư vấn học nghề cho người lao động về lựa chọn nghề, trình độ đào tạo, nơi học phù hợp với khả năng và nguyện vọng; Tư vấn việc làm cho người lao động về lựa chọn công việc phù hợp với khả năng và nguyện vọng; về kỹ năng thi tuyển; về tự tạo việc làm, tìm việc làm trong nước và ngoài nước; Tư vấn cho người sử dụng lao động về tuyển dụng lao động; về quản trị và phát triển nguồn nhân lực; về sử dụng lao động và phát triển việc làm; Tư vấn về chính sách, pháp luật lao động cho người lao động, người sử dụng lao động.

- Giới thiệu việc làm cho người lao động, cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động, bao gồm: Giới thiệu người lao động cần tìm việc làm với người sử dụng lao động cần tuyển lao động; Cung ứng lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động; Tuyển lao động thông qua thi tuyển để lựa chọn những người đủ điều kiện, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng lao động; Giới

thiệt, cung ứng lao động cho đơn vị, doanh nghiệp được cấp phép đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Thu thập, phân tích, dự báo và cung ứng thông tin thị trường lao động.
- Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực tìm kiếm việc làm và đào tạo kỹ năng, dạy nghề khác theo quy định của pháp luật.
- Hỗ trợ người lao động trong trường hợp chuyển từ nghề này sang nghề khác, di chuyển từ địa phương này sang địa phương khác, di chuyển ra nước ngoài làm việc và các hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.
- Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về lao động, việc làm.
- Thực hiện các chương trình, dự án về việc làm.
- Thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp để trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.
- Tuyên và quản lý lao động Việt Nam làm việc cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

c) Phân bố

- Năm 2020: Có 4 Trung tâm dịch vụ việc làm khu vực đặt tại Hải Dương, Đà Nẵng, Đồng Nai, Cần Thơ.
- Năm 2025: Có 5 Trung tâm dịch vụ việc làm khu vực đặt tại Hải Dương, Đà Nẵng, Đồng Nai, Cần Thơ, Đắk Lắk

Tại khu vực phía bắc đặt tại Thành phố Hải Dương: Thực hiện các mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ về dịch vụ việc làm của khu vực phía bắc theo hướng dẫn nghiệp vụ của cơ quan quản lý nhà nước về việc làm Trung ương. Khu vực gồm các tỉnh sau: miền núi phía bắc (Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai, Yên Bái, Thái Nguyên, Bắc Kanj, Phú Thọ, Bắc Giang, Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên); Đồng bằng sông Hồng (Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng yên, Vĩnh Phú, Bắc Ninh, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình).

Tại khu vực duyên hải miền Trung đặt tại Đà Nẵng: Thực hiện các mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ về dịch vụ việc làm của khu vực miền trung theo hướng dẫn nghiệp vụ của cơ quan quản lý nhà nước về việc làm Trung ương. Khu vực gồm các tỉnh sau: Miền Trung (Thanh Hóa, Nghệ AN, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khách Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận);

Tại tây nguyên đặt tại Đắk Lắk: Thực hiện các mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ về dịch vụ việc làm của khu vực Tây nguyên theo hướng dẫn nghiệp vụ của cơ quan quản lý nhà nước về việc làm Trung ương. Khu vực gồm các tỉnh sau: Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng.

Tại Đông Nam Bộ đặt tại Đồng Nai: Thực hiện các mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ về dịch vụ việc làm của khu vực miền nam theo hướng dẫn nghiệp vụ của cơ quan quản lý nhà nước về việc làm Trung ương. Khu vực gồm các tỉnh sau: Đông Nam Bộ (TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Bà Rịa – Vũng Tàu).

Tại Đồng bằng sông Cửu Long đặt tại Cần Thơ: Thực hiện các mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ về dịch vụ việc làm của khu vực Đồng bằng sông cửu long theo hướng dẫn nghiệp vụ của cơ quan quản lý nhà nước về việc làm Trung ương. Khu vực gồm các tỉnh sau: Đồng Bằng Sông Cửu Long (Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng, An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau)

3.2 Nhóm 2: Trung tâm dịch vụ việc làm do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập và giao cho ngành lao động – thương binh và xã hội quản lý

a) Thành lập và quản lý

- Giai đoạn 2016-2020: Giảm 4 Trung tâm do UBND tỉnh Hải Dương, Đà Nẵng, Cần Thơ, Đồng Nai thành lập sang trực thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý theo quy định tại Nghị định số 196/2013/NĐ-CP. Và tăng 1 Trung tâm do UBND TP Hồ Chí Minh thành lập vào hệ thống dịch vụ việc làm của ngành (Trung tâm dự báo thị trường lao động Thành phố Hồ Chí Minh)

- Giai đoạn 2020-2025: Giảm 1 Trung tâm do UBND tỉnh Đắk Lắk thành lập sang trực thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý

c) Nhiệm vụ của Trung tâm

- Hoạt động tư vấn, bao gồm: Tư vấn học nghề cho người lao động về lựa chọn nghề, trình độ đào tạo, nơi học phù hợp với khả năng và nguyện vọng; Tư vấn việc làm cho người lao động về lựa chọn công việc phù hợp với khả năng và nguyện vọng; về kỹ năng thi tuyển; về tự tạo việc làm, tìm việc làm trong nước và ngoài nước; Tư vấn cho người sử dụng lao động về tuyển dụng lao động; về quản trị và phát triển nguồn nhân lực; về sử dụng lao động và phát triển việc làm; Tư vấn về chính sách, pháp luật lao động cho người lao động, người sử dụng lao động.

- Giới thiệu việc làm cho người lao động, cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động, bao gồm: Giới thiệu người lao động cần tìm

việc làm với người sử dụng lao động cần tuyển lao động; Cung ứng lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động; Tuyển lao động thông qua thi tuyển để lựa chọn những người đủ điều kiện, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng lao động; Giới thiệu, cung ứng lao động cho đơn vị, doanh nghiệp được cấp phép đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Thu thập, phân tích, dự báo và cung ứng thông tin thị trường lao động.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực tìm kiếm việc làm và đào tạo kỹ năng, dạy nghề khác theo quy định của pháp luật.

- Hỗ trợ người lao động trong trường hợp chuyển từ nghề này sang nghề khác, di chuyển từ địa phương này sang địa phương khác, di chuyển ra nước ngoài làm việc và các hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

- Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về lao động, việc làm.

- Thực hiện các chương trình, dự án về việc làm.

- Thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp để trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

- Tuyển và quản lý lao động Việt Nam làm việc cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

c) Phân bố

- Năm 2020: Có 61 Trung tâm

+ Thành phố Hà Nội: Có 2 Trung tâm

+ Thành phố Hồ Chí Minh: Có 2 Trung tâm

+ Hải Dương, Đà Nẵng, Đồng Nai, Cần Thơ: Có 0 Trung tâm

+ 57 tỉnh, thành phố còn lại: Mỗi tỉnh, thành phố có 01 Trung tâm

- Năm 2025: Có 60 Trung tâm

+ Thành phố Hà Nội: Có 2 Trung tâm

+ Thành phố Hồ Chí Minh: Có 2 Trung tâm

+ Hải Dương, Đà Nẵng, Đồng Nai, Cần Thơ, Đắk Lắk: Có 0 Trung tâm

+ 56 tỉnh, thành phố còn lại: Mỗi tỉnh, thành phố có 01 Trung tâm

3.3 Nhóm 3: Trung tâm dịch vụ việc làm do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập và giao cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất quản lý; do Bộ Quốc phòng thành lập; do tổ chức chính trị xã hội thành lập

a) Thành lập và quản lý

- Giai đoạn 2016-2020: Giữ nguyên số lượng các Trung tâm hiện có.
- Giai đoạn 2020-2025: Giữ nguyên số lượng các Trung tâm hiện có.

Nhiệm vụ của Trung tâm

- Hoạt động tư vấn, bao gồm: Tư vấn học nghề cho người lao động về lựa chọn nghề, trình độ đào tạo, nơi học phù hợp với khả năng và nguyện vọng; Tư vấn việc làm cho người lao động về lựa chọn công việc phù hợp với khả năng và nguyện vọng; về kỹ năng thi tuyển; về tự tạo việc làm, tìm việc làm trong nước và ngoài nước; Tư vấn cho người sử dụng lao động về tuyển dụng lao động; về quản trị và phát triển nguồn nhân lực; về sử dụng lao động và phát triển việc làm; Tư vấn về chính sách, pháp luật lao động cho người lao động, người sử dụng lao động.

- Giới thiệu việc làm cho người lao động, cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động, bao gồm: Giới thiệu người lao động cần tìm việc làm với người sử dụng lao động cần tuyển lao động; Cung ứng lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động; Tuyển lao động thông qua thi tuyển để lựa chọn những người đủ điều kiện, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng lao động; Giới thiệu, cung ứng lao động cho đơn vị, doanh nghiệp được cấp phép đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Thu thập, phân tích, dự báo và cung ứng thông tin thị trường lao động.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực tìm kiếm việc làm và đào tạo kỹ năng, dạy nghề khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

- Hỗ trợ người lao động trong trường hợp chuyển từ nghề này sang nghề khác, di chuyển từ địa phương này sang địa phương khác, di chuyển ra nước ngoài làm việc và các hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

- Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về lao động, việc làm.

- Thực hiện các chương trình, dự án về việc làm (nếu có).

c) Phân bố

- Năm 2016-2025: Có 66 Trung tâm

+ Chủ tịch UBND tỉnh thành lập và giao cho Ban quản lý KCN-KCX: Có 3 Trung tâm tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Hải Dương.

+ Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thành lập: Có 6 Trung tâm.

+ Bí thư Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh thành lập: 21 Trung tâm.

- + Chủ tịch Tổng liên đoàn lao động Việt Nam thành lập: 8 Trung tâm.
- + Chủ tịch Liên minh hợp tác xã Việt Nam thành lập: 1 Trung tâm.
- + Chủ tịch Liên hiệp hội phụ nữ Việt Nam thành lập: 14 Trung tâm.
- + Chủ tịch Hội nông dân thành lập: 13 Trung tâm.

4. Nhu cầu cơ cấu tổ chức, nhân sự và đầu tư cho mỗi Trung tâm

4.1 Cơ cấu tổ chức

a. Trung tâm nhóm 1

Đây là các Trung tâm khu vực, vừa thực hiện nhiệm vụ địa phương, vừa nhiệm vụ khu vực sẽ có cơ cấu như sau:

- Về tên gọi: gồm “Trung tâm dịch vụ việc làm khu vực” và tên của khu vực
- Cơ cấu tổ chức:
 - + Lãnh đạo Trung tâm
 - + Phòng Tư vấn, giới thiệu việc làm
 - + Phòng Thông tin thị trường lao động
 - + Phòng Hỗ trợ đào tạo
 - + Phòng Nghiệp vụ bảo hiểm thất nghiệp
 - + Phòng Kế hoạch – tài chính
 - + Văn phòng

b. Trung tâm nhóm 2

Đây là các Trung tâm khu vực, vừa thực hiện nhiệm vụ địa phương, vừa nhiệm vụ khu vực sẽ có cơ cấu như sau:

- Về tên gọi: gồm “Trung tâm dịch vụ việc làm” và tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở chính.

Riêng Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh: có thêm Trung tâm dịch vụ việc làm Hà Nội số 2/Thành phố Hồ Chí Minh số 2

- Cơ cấu tổ chức:
 - + Lãnh đạo Trung tâm
 - + Phòng Tư vấn, giới thiệu việc làm
 - + Phòng Thông tin thị trường lao động

- + Phòng Hỗ trợ đào tạo
- + Phòng Nghiệp vụ bảo hiểm thất nghiệp
- + Văn phòng

c. Trung tâm nhóm 3

Đây là các Trung tâm do Bộ Quốc phòng, UBND tỉnh, Tổ chức chính trị xã hội thành lập để phục vụ một số đối tượng đặc thù, do vậy các hoạt động của Trung tâm sẽ căn cứ vào nhu cầu của cơ quan chủ quản. Do vậy, cơ cấu cơ bản như sau:

- Về tên gọi: gồm “Trung tâm dịch vụ việc làm” và tên cơ quan chủ quản, tên nơi đặt trụ sở chính.

- Cơ cấu tổ chức:

- + Lãnh đạo Trung tâm
- + Phòng Tư vấn, giới thiệu việc làm
- + Phòng Thông tin thị trường lao động
- + Văn phòng

4.2 Nhân sự

a. Trung tâm nhóm 1

- Đến năm 2020

Đây là các Trung tâm khu vực, vừa thực hiện nhiệm vụ địa phương, vừa nhiệm vụ khu vực sẽ có nhu cầu về nhân sự giai đoạn 2016-2020 như sau:

T	Vị trí	4 Trung tâm	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	ĐBSCL
	Theo cơ cấu tổ chức	371	103	88	94	86
	Lãnh đạo Trung tâm	16	4	4	4	4
	Phòng tư vấn, giới thiệu việc làm	67	16	14	14	23
	Phòng Phân tích, dự báo và Thông tin thị trường lao động	57	15	15	12	15
	Phòng Bảo hiểm thất nghiệp	114	34	28	36	16
	Phòng Hỗ trợ đào tạo	21	6	5	5	5
	Phòng Kế hoạch – Tài chính	28	7	7	7	7

	Phòng Tổ chức – Hành chính	68	21	15	16	16
I	Theo nhiệm vụ	371	103	88	94	86
	Nhiệm vụ của địa phương	160	60	38	24	38
	Nhiệm vụ vùng, khu vực	71	17	18	18	18
	Nhiệm vụ Bảo hiểm thất nghiệp	140	26	32	52	30

- Đến năm 2025

Đây là các Trung tâm khu vực, vừa thực hiện nhiệm vụ địa phương, vừa nhiệm vụ khu vực sẽ có nhu cầu về nhân sự giai đoạn 2020-2025 như sau:

TT	Vị trí	5 Trung tâm	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	ĐBSCL	Tây Nguyên
I	Theo cơ cấu tổ chức	442	103	88	94	86	71
	Lãnh đạo Trung tâm	20	4	4	4	4	4
	Phòng tư vấn, giới thiệu việc làm	77	16	14	14	23	10
	Phòng Phân tích, dự báo và Thông tin thị trường lao động	67	15	15	12	15	10
	Phòng Bảo hiểm thất nghiệp	134	34	28	36	16	20
	Phòng Hỗ trợ đào tạo	26	6	5	5	5	5
	Phòng Kế hoạch – Tài chính	35	7	7	7	7	7
	Phòng Tổ chức – Hành chính	83	21	15	16	16	15
II	Theo nhiệm vụ	442	103	88	94	86	71
	Nhiệm vụ của địa phương	183	60	38	24	38	23
	Nhiệm vụ vùng, khu vực	89	17	18	18	18	18
	Nhiệm vụ Bảo hiểm thất nghiệp	170	26	32	52	30	30

b. Trung tâm nhóm 2

Số nhân sự trung bình của các Trung tâm hiện nay là 45 người/trung tâm. Căn cứ vào tốc độ phát triển kinh tế xã hội, của thị trường lao động và nhu cầu thực tế trong thực hiện bảo hiểm thất nghiệp thì nhu cầu nhân lực của các trung tâm như sau:

- Đến năm 2020: Số nhân sự của 61 trung tâm nhóm 2 là 3.050 người, trung bình của các Trung tâm là 50 người/trung tâm.

- Đến năm 2025: Số nhân sự của 60 trung tâm nhóm 2 là 3.000 người, trung bình của các Trung tâm là 50 người/trung tâm.

c. Trung tâm nhóm 3

Căn cứ vào mục đích, yêu cầu mà cơ quan quyết định thành lập bố trí nhân sự phù hợp và đảm bảo mỗi Trung tâm có trung bình 15 người. Do vậy, số lượng nhân sự của 66 trung tâm nhóm 3 trung bình là 990 người.

Như vậy, nhu cầu nhân sự của mạng lưới Trung tâm (gồm cả 03 nhóm) như sau:

- Đến năm 2020 là: 4.411 người

- Đến năm 2025 là: 4.432 người

4.3 Tài chính

Trung tâm dịch vụ việc làm là đơn vị sự nghiệp công lập. Do vậy, mọi kinh phí tài chính theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập.

4.4 Nhu cầu đầu tư

- Đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật và trang thiết bị cho các Trung tâm dịch vụ việc làm đạt tiêu chuẩn theo hướng dẫn của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội; từng bước hiện đại hoá, bảo đảm có các phân khu chức năng, các hạng mục công trình đáp ứng hoạt động dịch vụ việc làm

- Nguồn vốn thực hiện

+ Nguồn vốn thực hiện Đề án bao gồm: vốn ngân sách nhà nước (địa phương, Trung ương), vốn huy động từ các nguồn tài chính hợp pháp khác, trong đó nguồn vốn ngân sách nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong đầu tư củng cố, phát triển mạng lưới Trung tâm dịch vụ việc làm;

+ Việc hỗ trợ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương để củng cố, phát triển mạng lưới Trung tâm dịch vụ việc làm thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, trong đó ưu tiên các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;

+ Ngân sách nhà nước bố trí cho hoạt động thường xuyên của các Trung tâm dịch vụ việc làm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Giai đoạn 2016-2020

a) Rà soát và sắp xếp lại mạng lưới các Trung tâm dịch vụ việc làm

- Cơ quan chủ quản rà soát, sắp xếp lại hoạt động các Trung tâm dịch vụ việc làm theo đúng quy định của Nghị định số 196/2013/NĐ-CP.

- Chuyển đổi 4 Trung tâm dịch vụ việc làm Hải Dương, Đồng Nai, Đà Nẵng, Cần Thơ thành Trung tâm dịch vụ việc làm khu vực miền bắc, miền nam, miền trung, đồng bằng sông Cửu Long và bàn giao cho Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý.

- Giải thể hoặc chuyển đổi những Trung tâm dịch vụ việc làm không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Nghị định số 196/2013/NĐ-CP

- Thành lập hoặc chuyển đổi các Trung tâm có đủ điều kiện và đang hoạt động dịch vụ việc làm thành mạng lưới.

- Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hoạt động của các Trung tâm dịch vụ việc làm.

b) Đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật và trang thiết bị

Đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật và trang thiết bị cho từ 40 đến 50 Trung tâm dịch vụ việc làm có thị trường lao động phát triển, đang thực hiện nhiều nhiệm vụ nhưng cơ sở vật chất không đáp ứng yêu cầu theo hướng dẫn của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

c) Xây dựng bộ công cụ hướng dẫn nghiệp vụ dịch vụ việc làm

- Xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá viên chức hoạt động dịch vụ việc làm.

- Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ dịch vụ việc làm.

d) Đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ hoạt động dịch vụ việc làm

- Xây dựng giáo trình đào tạo hoạt động dịch vụ việc làm

- Tổ chức các khóa đào tạo cho cán bộ hoạt động dịch vụ việc làm

đ) Xây dựng định mức khoa học kỹ thuật, giá dịch vụ việc làm.

e) Sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện

2. Giai đoạn 2020-2025

a) Rà soát và sắp xếp lại mạng lưới các Trung tâm dịch vụ việc làm

- Chuyển đổi 1 Trung tâm dịch vụ việc làm Đắk Lắk thành Trung tâm dịch vụ việc làm khu vực Tây nguyên và bàn giao cho Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý.

- Giải thể hoặc chuyển đổi những Trung tâm dịch vụ việc làm không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Nghị định số 196/2013/NĐ-CP

- Thành lập hoặc chuyển đổi các Trung tâm có đủ điều kiện và đang hoạt động dịch vụ việc làm thành mạng lưới.

b) Đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật và trang thiết bị

Đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật và trang thiết bị cho từ 30 đến 40 Trung tâm dịch vụ việc làm có thị trường lao động phát triển, có vị trí thiết yếu và đang thực hiện nhiều nhiệm vụ nhưng cơ sở vật chất không đáp ứng yêu cầu theo hướng dẫn của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

d) Xây dựng bộ công cụ hướng dẫn nghiệp vụ dịch vụ việc làm

- Tổ chức đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề cho viên chức hoạt động dịch vụ việc làm

- Hoàn thiện bộ tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ dịch vụ việc làm.

d) Đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ hoạt động dịch vụ việc làm

- Xây dựng giáo trình đào tạo hoạt động dịch vụ việc làm

- Tổ chức các khóa đào tạo cho cán bộ hoạt động dịch vụ việc làm

đ) Sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện

V. GIẢI PHÁP

1. Nhóm giải pháp về quản lý

- Tổ chức lại hệ thống các Trung tâm dịch vụ việc làm để tăng cường kết nối cung – cầu lao động, chia sẻ thông tin giữa các Trung tâm trong một hệ thống gắn kết, đảm bảo hỗ trợ tốt nhất người lao động và doanh nghiệp, bảo vệ việc làm trong nước trong bối cảnh hội nhập khu vực và thế giới.

- Xây dựng và hoàn thiện các tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ nhân lực của các Trung tâm dịch vụ việc làm.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa hạ tầng cơ sở các Trung tâm dịch vụ việc làm, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và từng bước hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động.

2. Nhóm giải pháp về đầu tư và huy động vốn

- Ngân sách nhà nước tiếp tục giữ vai trò chủ đạo để thực hiện quy hoạch, đồng thời kinh phí từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp được khai thác, sử dụng tương xứng với vai trò, chức năng nhiệm vụ và hiệu quả hoạt động của các Trung tâm; thực hiện đầu tư tập trung, đồng bộ đối với các Trung tâm dịch vụ việc làm theo quy hoạch.

- Cơ chế và nguồn vốn hoạt động của các Trung tâm dịch vụ việc làm thực hiện theo cơ chế đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Nhóm giải pháp nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ dịch vụ việc làm

- Hoàn thiện chính sách về tuyển dụng và tiền lương cho cán bộ hoạt động dịch vụ việc làm nhằm thu hút người có năng lực và tâm huyết vào làm việc tại các Trung tâm dịch vụ việc làm.

- Đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, nhân viên dịch vụ việc làm nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động và hội nhập khu vực, thế giới.

- Chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, nhân viên nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu suất làm việc thông qua việc thi và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

4. Nhóm giải pháp về gắn kết giữa các Trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp và cơ sở đào tạo

- Hình thành sự gắn kết giữa Trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp và cơ sở đào tạo.

- Đa dạng hóa các hình thức, phương pháp để tăng cường chia sẻ thông tin thị trường lao động nhằm đáp ứng nhu cầu tuyển lao động của doanh nghiệp, dự báo và đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

5. Nhóm giải pháp về hợp tác quốc tế

- Tăng cường chia sẻ kinh nghiệm và tranh thủ sự giúp đỡ, hỗ trợ của các quốc gia trong Hiệp hội dịch vụ việc làm công thế giới mà Việt Nam là một thành viên.

- Đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức quốc tế, đặc biệt là ILO, đồng thời kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài nhằm xây dựng một số Trung tâm dịch vụ việc làm đẳng cấp quốc tế; Khuyến khích hợp tác, liên kết giữa các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng dịch vụ việc làm.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Bộ, ngành Trung ương

1.1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương triển khai đề án.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương: Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ việc làm công sử dụng ngân sách nhà nước; định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho các dịch vụ việc làm; khung giá dịch vụ việc làm; tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn đối với từng loại hình Trung tâm dịch vụ việc làm.

1.2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm

Tổng hợp, bố trí vốn đầu tư phát triển và huy động nguồn lực trong nước và quốc tế để thực hiện đề án theo quy định của Luật Đầu tư công.

1.3. Bộ Tài chính có trách nhiệm

Bố trí kinh phí để triển khai đề án theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách cho các hoạt động dịch vụ việc làm.

1.4. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm

Hướng dẫn các địa phương xây dựng quy hoạch sử dụng đất, tạo thuận lợi cho việc quy hoạch quỹ đất xây dựng các Trung tâm dịch vụ việc làm.

1.5. Các Bộ, ngành liên quan khác: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm triển khai đề án; phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch thực hiện đề án tại địa phương.

b) Chỉ đạo, triển khai các nội dung, giải pháp của đề án trên địa bàn tỉnh, thành phố.

c) Bố trí ngân sách, nhân lực, cơ sở vật chất thực hiện đề án.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch thực hiện đề án tại địa phương.

- b) Xây dựng kế hoạch thực hiện đề án tại địa phương.
- c) Chỉ đạo, triển khai các nội dung, giải pháp của đề án trên địa bàn tỉnh, thành phố.
- d) Bố trí ngân sách, nhân lực, cơ sở vật chất thực hiện đề án.

